

HUYỀN CHÁNH 99 79173-24

TRUYỆN TRẠNG QUỲNH

MẤY NÉT VỀ TRẠNG QUỲNH

Trạng Quỳnh là nhân vật trung tâm của một hệ thống truyện trạng đặc sắc nhất cả về nội dung lẫn hình thức của kho tàng truyện trạng Việt Nam. Trong dân gian, Trạng Quỳnh được xem như một người thông minh, tài hoa, mưu lược, và dũng cảm.

Có tài liệu nói rằng ông họ Nguyễn, người Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Theo *thế phả họ Nguyễn, phần soạn thêm*, ông là : “Con trai cả của ông tổ Nghiêm Giản tên tục là Thường tên chữ là Quỳnh, tên hiệu là Như Ôn, tên thụy là Điệp Hiên tiên sinh,... Ông sinh vào giờ Bính Dần, ngày 1 tháng 10 năm Đinh Ty, niên hiệu Vĩnh Trị thứ hai, triều vua Lê Hy Tông (1677). Ông thi hương, văn bài được phê điểm hạng ưu, đậu đầu khoa thi hương năm Bính Tý, niên hiệu Chính Hòa thứ 17 (1696). Ông mất ngày 28 tháng giêng năm Mậu Thìn, đời vua Cảnh Hưng (1748)⁽¹⁾. Cũng có tài liệu cho rằng ông chỉ đỗ hương cống, nên dân gian thường gọi là Cống Quỳnh.

Đương nhiên có sự khác biệt về khoảng cách giữa con người thật Nguyễn Quỳnh và nhân vật Trạng Quỳnh trong hệ thống truyện cùng tên. Quá trình sáng tạo của các nghệ sĩ dân gian và phương thức lưu hành

⁽¹⁾ *Truyện Trạng Quỳnh*, Nxb Thanh Hóa, trang 132.
Bản dịch Bùi Xuân Vỹ.

của sáng tác folklore đã khiến cho nhân vật sáng tạo truyện, nếu là Nguyễn Quỳnh, mờ đi về diện mạo ban đầu. Bởi thế, khó mà đồng nhất giữa Trạng Quỳnh và nhân vật trong đời thực.

Hệ thống truyện Trạng Quỳnh đã được xuất bản nhiều lần ở nước ta (Xin xem phần “Sách báo tài liệu tham khảo để biên soạn tập 1”). Ở tập sách này, chúng tôi sưu tập, chọn lựa và giới thiệu một hệ thống gồm 48 truyện Trạng Quỳnh đã từng tạo nên một tiếng cười giòn giã trong kho tàng truyện Trạng Việt Nam. Ra đời trong một giai đoạn lịch sử xã hội đảo lộn, nhiều giá trị tinh thần bị lay đổ, nhiều nấc thang đạo đức cần được đánh giá lại, Trạng Quỳnh là nhân vật đại diện cho khác vọng tư tưởng, thẩm mỹ của nhân dân. Những thói hư tật xấu của vương triều, thế tục được mang ra chế giễu, cười cợt. Quan lại dưới con mắt Trạng Quỳnh, sau tiếng cười hả hê ở cuối truyện, hiện ra là những kẻ mất nhân cách, vào luôn ra cuối tham nhũng, dốt nát. Đó là các viên quan thị (trong các *truyện về quan thị*), đó là vua Lê, là chúa Trịnh. Tiếng cười của truyện Trạng Quỳnh hướng về chúa Trịnh nhiều hơn cả, thành thử, chúa Trịnh hiện ra trong hệ thống truyện Trạng Quỳnh như một kẻ xảo quyệt, gian tham, tàn ác (trong các truyện *Lễ tế sao, Ngọc người, Món Đại phong dâng chúa, Trộm mè của chúa, Thi mâm ngũ quả*).

Với bọn phong kiến phương Bắc, Trạng Quỳnh cũng không hề buông tha, mà đả kích mạnh mẽ vào thói kiêu ngạo, ngang ngược, hợm hĩnh của các sứ thần

Trung Hoa (trong các truyện *Trạng chơi trâu, Đánh vỡ chai nước sứ Tàu, Thi vẽ rồng, Sứ Tàu mắc lõm...*).

Trạng Quỳnh cũng không phải chỉ hướng tiếng cười làm lật nhào các thần tượng của vương triều, thế tục mà còn làm tróc những lớp sơn son thếp vàng trên các thần tượng của thần quyền, ông đã bóc trần cái vẻ trang nghiêm, thiêng liêng một cách giả tạo của những thành hoàng, Chúa Liễu, Bà Banh v.v... (trong các truyện *Trả lễ thành hoàng, Tạ Chúa Liễu ba bò, Cúng thành hoàng làng, Bà Banh mất vía v.v...*).

Hệ thống truyện Trạng Quỳnh là một bức tranh chân thực về xã hội Việt Nam đang trên đà mục nát và suy vong, hay nói như Các Mác là “tấn hài kịch của nó”. Trạng Quỳnh đã thay mặt nhân dân lao động làm một cuộc “khởi nghĩa” bằng tiếng cười để từ giã chế độ phong kiến một cách vui vẻ.

Tuy thế, tư tưởng của truyện Trạng Quỳnh không tách rời môi trường xã hội mà nó sinh ra, nên còn những hạn chế nhất định. Cái chết của Trạng Quỳnh thể hiện sự bế tắc của cuộc chiến đấu tuy quyết liệt, nhưng không có lối thoát. Cũng khó mà đòi hỏi cao hơn nữa ở hệ thống truyện Trạng đặc sắc này, nếu đem tách rời nó với những điều kiện lịch sử cụ thể.

1. ĐẦU TO BẰNG CÁI BỒ

Hồi còn nhỏ, lúc mới bảy, tám tuổi, Quỳnh đã chơi nghịch khác người. Quỳnh thường chơi trò rước xách, lấy tàu chuối làm cờ, lá sen làm lọng. Quỳnh lại tinh khôn nhanh trí, trẻ con trong làng không đứa nào bì kịp.

Một hôm trời sáng trắng, đang chơi với lũ trẻ ở sân nhà, bỗng Quỳnh bảo :

- Chúng bay làm kiệu cho ông ngồi, rồi ông đưa đi xem một người đầu to bằng cái bồ !

Lũ trẻ thích lắm, tranh nhau khoanh tay làm kiệu, rước Quỳnh đi bảy, tám vòng quanh sân, mệt thở không ra hơi, Quỳnh thấy thế bảo :

- Thôi ! Đứng đợi cả đây, để ông đi châm lửa cho mà xem !

Quỳnh lấy lửa thắp đèn xong, bảo lũ trẻ :

- Người to đầu đang ở trong nhà, chúng bay vào mà xem !

Lũ trẻ sợ quá, chỉ những đứa lớn mới dám đi theo Quỳnh. Quỳnh cầm đèn đi trước lấy đầu mình che đèn cho bóng soi lên vách rồi nói :

- Kìa, trông vào vách kia kìa !

Nhớ nhác, nhìn thấy ở vách hiện lên cái đầu to bằng cái bồ thật, nhưng là cái bóng đầu Quỳnh. Lũ trẻ biết Quỳnh xỏ nhưng không thể nào bắt bẻ lại được.

2. ĐẤT NÚT CON BỌ HUNG

Từ bé Quỳnh đã nổi tiếng học giỏi và đối đáp nhanh. Trong làng có ông Tú Cát rất hợm hĩnh mình, đi đâu cũng khoe mình hay chữ. Quỳnh rất ghét những loại người như vậy. Một hôm Quỳnh đang đứng xem đàn lợn ăn cám trong chuồng, Tú Cát đi qua trông thấy, liền gọi Quỳnh lại và bảo :

- Ta nghe đồn mày thông minh và có tài đối đáp. Bây giờ ta ra cho mày một vế đối, nếu không đối được ta sẽ đánh đòn. Nói rồi, Tú Cát lên giọng, gật gù ngâm nga :

- Lợn cần ăn cám tốn.

Tú Cát nghĩ rằng câu này rất khó đối, vì “cần” và “tốn” là tên hai quả trong kinh Dịch nào ngờ Quỳnh đối lại ngay : “Chó khôn chó cần càn”.

Vế này cũng có “khôn” và “càn” là tên hai quả trong kinh Dịch, đồng thời lại có ý xỏ Tú Cát là chó. Không ngờ bị chơi đau như vậy, Tú Cát tức lắm, hầm hầm bảo :

- Được ! Ta ra thêm vế nữa, phải đối lại ngay, rồi đọc : “Trời sinh ông Tú Cát”.

Quỳnh đốp luôn :

- “Đất nứt con bỏ hung”.

Tú Cát tức đến sặc tiết nhưng không làm gì được, vì Quỳnh đối rất chĩnh, đành lủi thủi bỏ đi.

3. DÊ ĐỤC CHỮA

Tiếng tăm về cậu bé thần đồng ở vùng Thanh Hóa bay đến kinh đô. Nhà vua muốn biết hư thực ra sao, bèn ban lệnh : “Cả phủ Thanh Hóa, mỗi làng phải đem nộp một con dê đực đang chữa. Sau hai tháng, nếu làng nào không có sẽ bị trị tội. Dân chúng phủ Thanh Hóa hết hoảng sợ hãi. Cả làng Quỳnh ở, ai cũng nhớn nhác lo âu. Tìm đâu ra dê đực chữa ? Biết chuyện đó, Quỳnh nói với bố :

- Về việc ấy xin Thầy đừng lo. Thầy cứ bảo dân làng chuẩn bị cho con một trăm quan tiền và gạo ăn đường, con sẽ kiếm được dê đực chữa cho làng.

Nghe con nói, ông bố không tin, nhưng cũng thưa lại với dân làng. Không có cách nào khác, mọi người đành làm theo yêu cầu của Quỳnh. Sáng hôm sau, hai cha con Quỳnh lên đường. Họ đến kinh đô đứng lực nhà vua có việc đi qua cửa Đông. Quỳnh nép xuống cống sát vệ đường chờ. Khi xa giá nhà vua đến gần, Quỳnh khóc rống lên. Vua sai lính lôi đứa bé đang

khóc lên hỏi nguyên do. Quỳnh vờ như không biết đây là vua, càng gào to, kể lể :

- Mẹ tôi chết đã mấy năm nay, tôi nói mãi mà bố tôi vẫn không chịu để em bé cho tôi bế...

Vua cho là đứa bé bị bệnh dại ngây, cười và nói :

- May thật là dân đồn, dân ông mà để sao được !

Bấy giờ Quỳnh nín bặt, đứng chắp hai tay, nói rất trang nghiêm :

- Thưa ông, vậy mà nhà vua bắt dân làng tôi phải nộp dê đực chữa.

Nghe nói, nhà vua giật mình, biết ngay đây là đứa bé ở Thanh Hóa mà bấy lâu mình vẫn nghe đồn.

4. VẦN THƠ GỖ BÍ

Một hôm Quỳnh đi chợ với anh bạn khóa sinh. Thấy khóa vui tính, nghịch ngợm lại hay chớt nhả. Hai người vào đầu chợ mua giấy bút. Thấy cô hàng xén trông xinh tươi, mặn mà, yếm đào pháp phồng, thắt đáy lưng ong, thầy khóa đi không dứt. Trả tiền giấy bút xong, thầy khóa cứ đứng tán tỉnh mãi. Rồi bất ngờ, thầy quàng tay ôm cô nàng, sờ ngay vào đôi bầu ở ngực. Cô hàng xén giật mình, then đỏ bừng mặt, réo ngay ông bà ông vải thầy khóa ra chửi té tát.

Quỳnh vội đứng ra phân bua gỡ tội cho bạn.

- Cô hàng xén ơi ! Hắn chót nhả chót phạm lỗi. Xin cô tha tội cho hắn, để tôi về trình thầy học đánh đòn hắn.

- Tha, tha cái gì ! Tôi bắt đền đấy.

- Vâng, thì xin đền, nhưng cô bắt đền chi ?

- Thầy thì chỉ chữ với nghĩa, chứ còn có gì hơn mà đền. Thôi, lấy Kiều đi !

Quỳnh vội hắng giọng đọc ngay :

Rõ ràng trong ngọc trắng ngà

Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai

Những là âu yếm vành ngoài

Chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm.

Nghe xong, cô hàng thấy sướng trong bụng vì được người ta khen tấm thân ngà ngọc của mình, và thẹn đỏ bừng đôi má, nguyệt hai anh học trò láu lĩnh, nói :

- Các thầy chỉ được cái ma mãnh là không ai bằng !

Thầy khóa thấy mấy câu Kiều lấy đã cứu được nguy, liền bấm Quỳnh chuồn vội.

5. MIỆNG KẺ SANG

Trên đường từ phủ về, Quỳnh ghé vào một quán nước bên đường. Trong quán có một viên quan, dáng oai vệ, đang ngồi nhai trầu bồm bồm. Cạnh đó, có một lính lệ đang đứng hầu. Quan nhai xong, vút miếng bã trầu ra đất.

Quỳnh đang ngồi uống nước, bước đến cúi mặt lên, ngằm nghĩa như muốn tìm kiếm cái gì, rồi đút vào túi. Thấy lạ, viên quan tò mò hỏi :

- Người là ai ? làm gì vậy ?

Quỳnh làm bộ khúm núm, đáp :

- Con là học trò nghèo, lâu nay thường nghe người ta nói "*Miệng nhà quan có gang có thép*" muốn mặt lên đem về coi thử có đúng thế không ?

Biết mình bị xỏ, lại không biết người này là Trạng Quỳnh, quan liền bảo :

- Nhận là học trò, thì người phải đối câu tục ngữ mà người vừa nói, hay thì ta thưởng, dở thì bị đánh đòn. Mà nhớ là tục ngữ phải đối bằng tục ngữ, nghe chưa !

Quỳnh giả bộ rụt rè, thưa thưa bồm bồm :

- Con sợ mang tiếng xược... không dám đối.

Tưởng anh chàng học trò đang bí, quan bảo :

- Ta cho người cứ nói, còn không đối được thì nằm xuống để ta đánh đòn.

- Nếu thế thì con xin đối ạ.

- Được. Đối ngay đi, ta nghe thử :

Quỳnh thông thả đọc vế đối : “*Đồ nhà khó vừa nhọ vừa thâm*”.

Nghe xong, mặt quan xám lại như tro bếp. Câu đối lại đúng là câu tục ngữ đối với tục ngữ, không thể bắt bẻ vào đâu được.

Biết ngồi lâu không tiện, quan giục lính hầu ra đi, quên bẵng lời hứa thưởng tiền cho anh học trò nghèo.

Chẳng bao lâu, chuyện ấy lan ra khắp vùng, tiếng tăm của Quỳnh càng nổi như cồn.

6. PHƠI SÁCH, PHƠI BỤNG

Ở vùng Quỳnh ngồi dạy học có một trọc phú. Lão này đã dốt, lại thích học làm sang, thỉnh thoảng mò đến nhà Trạng, đòi mượn sách. Một bận, thấy lão lấp ló đầu cổng, Quỳnh vội vác ngay chiếc chông tre ra sân, cởi áo nằm phơi bụng. Lão trọc phú bước vào, thấy lạ, hỏi :

- Thầy làm gì thế ?

Quỳnh đáp :

- À, có gì đâu ! Hôm nay được cái nắng, tôi đem phơi sách cho khỏi mốc.

- Sách ở đâu ?

Quỳnh chỉ vào bụng :

- Sách chứa đầy trong này !

Biết mình bị đuổi khéo, trọc phú đành phải ra về.

Bận khác, lão cho người mời Quỳnh đến nhà. Để rửa mối hận cũ, lão cũng bắt chước, đánh trần thân lẫn, nằm ngửa bụng sấn ở giữa sân đợi khách...

Thấy Quỳnh vừa bước vào, lão trọc phú cất giọng con vẹt, bắt chước...

- Hôm nay được cái nắng tốt, tôi nằm phơi cho khỏi mốc.

Bất đồ, Quỳnh cười toáng, lấy tay vỗ bình bịch vào cái bụng phệ của hắn mà nói.

- Ruột nhà ông toàn chứa những của ngon chưa tiêu hết phải đem phơi, chứ làm cóc gì có sách mà phơi !

Lão kia trố mắt :

- Sao thầy biết ?

Quỳnh lại cười toáng lên, lấy tay lắc lắc cái bụng béo ụ ị của lão.

- Ông cũng nghe rõ chứ ? Cái bụng ông nó đang kêu “ong óc” đây này ! Tiếng cơm, tiếng cá, tiếng thịt

gà chú có phải tiếng chũ, tiếng sách đâu. Thôi ngồi dậy ! Mặc áo vào nhà đi.

Lão trọc phú lủi thủi làm theo lời Quỳnh và ngồi tiếp khách một cách miễn cưỡng.

7. THAY LỜI GIÁO THỤ GỬI CHO VỢ

Quỳnh có người bạn cùng làng làm giáo thụ ở một tỉnh nọ xa nhà. Một bữa, nhân có người cùng huyện về quê, giáo Thụ mới viết thư nhờ ghé qua nhà đưa cho vợ. Trên đường về làng, bác này gặp Quỳnh, biết Quỳnh người cùng làng với giáo Thụ, liền nhờ Quỳnh đưa giúp bức thư cho vợ ông.

Quỳnh nhận lời, rồi tráo vào phong bì bức thư lồm vợ ông giáo Thụ như sau :

Nay lời giáo Thụ gửi về quê

Nhấn nhủ cô bay chớ ngựa nghề

Cõi bắc anh mang thằng cù lẳng,

Miền nam em giữ cái trai he.

Hãy còn vương vít như hang thỏ

Hay đã tò ho quá lỗ trê ?

Bấm đít, bấm trôn mà chịu vậy

Một hai tuần nữa đợi anh về.

Không thấy nói bà giáo Thụ đọc xong bức thơ ấy, có ngất xỉu hay không !

8. PHẬT SAY

Làng Thụy Chương bên bờ hồ Tây xưa nổi tiếng về nghề nấu rượu. Rượu ở đây thơm ngon đặc biệt, thuộc loại nhất nhì trong vùng.

Mé trước làng, ở ven hồ có một ngôi chùa nhỏ. Thời Lê Trung Hưng, chẳng biết vì sao chùa chiền ít được chăm sóc, đổ nát, chỉ còn một pho tượng tay chống gậy, xiêu vẹo, nghiêng ngả.

Một hôm, Quỳnh vào làng mua rượu, thấy pho tượng như vậy mới làm mấy câu thơ đùa, dán kề một bên :

Ông đứng chi mà đứng mãi đây ?

Dập dềnh như tỉnh lại như say

Vãi nào đã chuốc cho ông rượu ?

Còn nệm nào không cho tổ vay ?

Tương truyền từ đó dân làng và khách thập phương ai cũng gọi tượng là "Phật say".

9. TRẢ NỢ ANH LÁI ĐÒ NGANG

Quỳnh thường đi dò ngang, khát chịu tiền, lâu quá món nợ tích lại cũng khá nhiều, không trả được. Lúc anh lái dò đến đòi, Quỳnh bảo :

- Ủ, đợi đấy, vài hôm nữa, sẽ trả đầy đủ.

Ở giữa sông có một cồn cát, bỗng xuất hiện một cái nhà nhỏ, lợp lá gồi. Người ta đồn rằng đó là cái lầu yết thơ của Trạng. Thế là mọi người tò mò rủ nhau đi xem. Mà muốn ra nơi cồn cát, chỉ có con đường dò ngang. Mới đầu chỉ lưa thưa ít người. Ra đến nơi họ thấy có một cái biển đề mấy chữ bằng vôi trắng “*Chà đũa nào kể với đũa nào*”.

Tất nhiên khi về, gặp người khác hỏi, thì ai cũng trả lời độc một câu :

- Ra mà xem !

Cũng có người tếu tán thêm : hay lắm ! Ra mà xem.

Thế là thiên hạ lũ lượt kéo nhau ra xem “lầu yết thơ của Trạng”, lúc đầu là người trong làng, rồi các làng lân cận, lan ra đến cả tổng. Còn anh lái dò chèo mệt nghỉ, nhưng hả hê với số tiền lớn thu được của khách, cho đến khi người ta biết là bị Quỳnh cho “quả lừa” thì mới với khách.

Anh lái đồ văn việc, chợt nhớ món nợ của Quỳnh mới đến hỏi Trạng.

Quỳnh mắng :

- Ai nợ nhà anh ? Anh nợ ta thì có. Nhờ mợ của ta mà anh vớ bở; ta chưa hỏi chia phần của ta đấy. Thôi ta cứ gửi lại đó mà trừ dần cho tiền đồ sau này.

Anh lái đồ chợt hiểu, cười sung sướng, rồi cảm ơn Quỳnh rồi rít.

10. SƯỚNG ĐỜI ÔNG NỢ, BÀ KIA

Trong làng Quỳnh ở, các chức sắc thấy Quỳnh được chúa gọi vào hầu luôn thì khâm phục lắm, chẳng ai bảo ai mà kẻ nào người nấy đều đến nhờ cậy Quỳnh giúp đỡ, mong được hưởng chút phúc ấm nhà chúa.

Một hôm Quỳnh ở kinh đô về, cho gọi các chức sắc đến, bảo có muốn làm ông nợ bà kia thì tối đến nhà Quỳnh đánh chén, rồi ngày mai Quỳnh đưa lên kinh đô sớm.

Các chức dịch bao phen mong đợi, nay thấy Trạng hẹn đưa vào kinh đều chắc mẩm phen này hẳn phải lên chức ông nợ bà kia. Vì thế, ông nào ông nấy vênh vang về nhà quất vợ sắp xếp quần áo để tối đến nhà Trạng uống rượu, ngủ đấy, mai trẩy kinh sớm. Các bà

vắt vả một buổi sấm sanh cho chồng, nhưng cũng mở cờ trong bụng vì sắp được thành ông nọ bà kia.

Tối đến Trạng đãi các vị chức dịch một bữa rượu túy lúy càn khôn. Ông nào ông nấy say đứ đừ. lăn chiêng ra ngủ.

Lúc ấy đã quá nửa đêm, Trạng mới sai đem võng tới, võng ông nọ về nhà bà kia và bảo rằng ông bị trúng cảm, phải xoa dầu, đánh gió ngay kẻo nguy hiểm đến tính mạng.

Các bà hoảng hốt, đang đêm vùng dậy, đèn đóm nhập nhoạng ra sức giật tóc mai cài tóc gáy, cứu chữa các ông đến gần sáng mới tỉnh.

Trời tảng sáng, nhìn rõ mặt người thì hóa ra không phải chồng mình. Các bà ngớ người ra, then quá hóa giận, quát :

- Phải gió các ông nhà này, ở đâu lại đến đây nằm vạ !

Ông kia tỉnh dậy, không biết đầu đuôi xuôi ngược ra sao, thấy mình nằm ở nhà người khác, đâm hoảng, then thùng vội lủi ra về. Đến nhà, lại chứng kiến cái cảnh vợ mình cũng đang mắc cỡ trong cảnh “ông nọ bà kia” hết như thế.

Bấy giờ các ông mới biết là bị Trạng lừa, ức quá vặc nhau :

- Nào, được làm ông nọ bà kia đã sướng chưa !

11. ĐƠN TRÌNH BÒ CHẾT CỦA CÔ GÁI KẼ NGHÌ

Trên đường từ huyện về Kẻ Nghì, Quỳnh gặp một cô gái từ Kẻ Nghì lên huyện. Đường đi phải qua một quãng đường đồng lầy lội. Hỏi chuyện, Quỳnh biết cô gái lên huyện để đưa đơn trình quan về việc con bò bị chết, xin được đem chôn. Quỳnh hỏi mượn đơn xem, rồi giả vờ lỡ tay đánh rơi đơn xuống bùn. Cô gái Kẻ Nghì bắt đền, Quỳnh làm ngay đơn khác để cô trình quan. Lá đơn ấy, Quỳnh viết :

Tôi là con gái Kẻ Nghì

Có con bò chết đem đi trình người

Lội đồng, váy ướt, đơn rơi

Tôi phải mượn người làm các đơn ni

Đem vào trình với chú Tri

Mong chú chấp lấy đơn ni làm bằng

Nếu mà chú nói mần rằng

Thì chú bú c... cho thẳng mần đơn.

Cô gái đến cửa quan và nộp đơn, hầu chờ phán xét.

Đọc xong, mặt tím bầm, quan quát :

- Thằng nào viết đơn này cho mày ?

- Bẩm quan một người đi đường ạ !

- Sao lại một người đi đường ?

Bẩm quan người ấy biết con làm đơn trình quan về việc bò chết, người ấy mượn đọc, không may lỡ tay, làm rơi lá đơn của con xuống nước, người ấy sợ quan quở, phải viết lại lá đơn này cho con đến trình quan.

- Hình dạng người ấy ra sao ?

Dạ, bẩm quan, người to, bụng hơi phệ, mặc áo năm thân, quần lá lằn, và...

- Và và cái mả cha mày à, lần sau đơn có rơi cũng không được để cho người ấy viết lại nữa nghe không ?

Nói rồi, quan gọi lính đuổi cô gái ra khỏi công đường.

12. BÀ BANH MẮT VÍA

Tương truyền gần làng Trạng Quỳnh đang ngôi dạy học có một ngôi miếu thiêng, ngoài cửa miếu có pho tượng một người đàn bà dáng điệu hờ hênh, miệng cười chúm chím, tay chỉ xuống “cái ấy” được phô bày trọn vẹn, gọi là tượng Bà Banh. Tiếng đồn tượng rất thiêng. Kẻ nào đi ngang qua bùng miệng cười thì thế nào Bà Banh cũng làm cho méo mồm, vẹo cổ hoặc ốm đau, phải cúng bái mới khỏi. Một hôm Trạng Quỳnh đi qua thấy pho tượng trần truồng mà

chân lại đi giày, cổ đeo hạt. Quỳnh lẳng lẳng cầm bút đề lên nơi bụng trắng hếu của pho tượng bài thơ nôm :

*Khen ai đeo đá tạc nên mày,
Khéo đứng ru mà đứng mãi đây ?
Trên cổ đếm đeo dăm chuỗi hạt,
Dưới chân đứng chéo một đôi hài
Ấy đã phát cờ treu ghẹo tiểu
Hay là bốc gạo thử thanh thầy ?
Có ngựa gần đây nhiều gốc dứa
Phô phang chi ở đám dân này ?*

Bài thơ đọc ở mấy từ nói lái như : Đeo đá, Khéo đứng, Đếm đeo, Đứng chéo.

Người ta đồn rằng, khi Quỳnh vừa đề xong bài thơ, thì pho tượng vã mồ hôi như tắm. Cũng từ đó Bà Banh cũng mất thiêng.

13. CÚNG THÀNH HOÀNG LÀNG

Hồi này, Quỳnh đã đỗ hương cống. Tiếng tăm cũng đã lừng lẫy gần xa. Một lần vợ Quỳnh ốm, thầy bói phán phải cúng thành hoàng làng mới khỏi. Chiều vợ, Quỳnh khăn áo ra đình, khấn vái, xin thành hoàng độ cho vợ khỏi, Quỳnh sẽ xin làm gà lễ tạ.

Mấy hôm sau vợ Quỳnh khỏi thật, giục Quỳnh sửa soạn lễ tạ thành hoàng.

Quỳnh nói :

- Nhà không sẵn gà, thôi để biện lễ khác vậy.

Rồi Quỳnh khăn áo chỉnh tề ra đình, tay cầm theo cái đĩa và hai quả trứng gà luộc. Đến nơi, Quỳnh để hai trứng vào đĩa, đặt lên hương án rồi đọc văn tế.

Chú là kẻ cả trong làng

Ta là người sang trong nước

Đôi bên chúc tụng.

Chả kém gì nhau

Vì vợ ta đau.

Phải ra khẩn vái

Phiên chợ thì trái.

Không mua được gì

Có con gà ri.

Nó vừa nhảy ổ

Bắt đem mà mổ.

Nghĩ cũng thương tình

Chú có anh linh.

Xơi hai trứng vậy !

Tế xong, Quỳnh về nhà nói cho vợ yên tâm là đã tạ lễ xong xuôi và thành hoàng rất bằng lòng (!).

14. THƠ TRỊ GÁI NGOA

Ở một làng nọ, có cô con gái của nhà phú hộ khá xinh đẹp, nhưng nổi tiếng chua ngoa, danh đá. Quỳnh nghe đồn cũng muốn có dịp tiếp xúc thử xem sao. Lúc đó đang là mùa gặt, Quỳnh gia nhập vào đám dân nghèo đi mót lúa gặt sót tại ngay đám ruộng mà cô gái đang coi thợ gặt. Thấy anh thanh niên mặt mày sáng sủa, da dẻ trắng trẻo lại xen trong số người rách rưới lam lũ, đi nhặt từng bông lúa rơi, cô gái cất lời hỏi :

- Cái anh chàng kia, sao lại đi tranh làm cái chuyện của đàn bà, trẻ con nghèo đói ?

- Thưa cô, tôi vốn là học trò nghèo, không có tấc đất cắm dùi, nên đến mùa cũng bắt chước đi theo bà con kiếm chút ít thóc. Quỳnh đáp.

- Nếu thật anh là học trò thì hãy làm một bài thơ tức cảnh, làm được tôi sẽ cho ba lạng lúa, bằng không thì hãy liếm lá mà chuồn. Cô gái đáp lại.

Quỳnh nghĩ bụng, đúng là loại gái chua ngoa như lời thiên hạ đồn, bèn ứng khẩu đọc luôn bài thơ như sau :

Tuyên Quang, Hoằng Hóa cũng thì vua

Nắng cực cho nên phải mất mùa

Phải đứng đầu chờ xin xỏ chị

Chị nữ lòng nào chị chẳng cho.

Nghe xong, cô ả biết đã gặp phải anh chàng chẳng vừa, then đở bùng măt, vội lấy ba lượm lúa trao cho Quỳnh để chàng đi cho sớm. Cũng từ đó, cô gái nọ bớt giọng đánh đá, chua ngoa.

15. CÂY RỄ RUỘNG BÀ CHÚA LIỄU

Nhà Quỳnh nghèo, thấy đền Sòng lắm ruộng tốt, Quỳnh mới đến xin Chúa Liễu cho cấy rẽ, Chúa vốn ham lợi, nên bằng lòng.

Quỳnh khẩn vái xin âm dương để xem ý Chúa Liễu thuận lấy bao nhiêu, phần nào. Năm đầu, Chúa Liễu lay ngọn thì Quỳnh trồng rất khoai lang. Đến vụ, Quỳnh dỡ lấy cũ, còn bao nhiêu dây, ngọn đem nộp cho Chúa.

Năm thứ hai, xin âm dương, thấy Chúa Liễu thuận lấy gốc, Quỳnh trồng toàn lúa. Đến mùa, Quỳnh gặt lấy bông, còn bao nhiêu gốc rạ đem nộp cho Chúa.

Chúa Liễu hai lần mắc lõm, tức lắm nhưng đã trót hứa rồi, không biết làm thế nào được. Lần thứ ba, Quỳnh đến xin gieo quẻ, Chúa bảo lần này lấy cả gốc lẫn ngọn, còn cho Quỳnh khúc giữa, Quỳnh giả vờ kêu ca :

- Chị lấy thế thì em còn được gì nữa !

Quỳnh khấn đi khấn lại mãi, Chúa vẫn nhất định không nghe. Quỳnh về, xoay ra trồng toàn ngô. Đến kỳ thu hoạch, bao nhiêu bắp Quỳnh bẻ hết, còn ngọn và gốc thì đem nộp cho Chúa.

Chúa Liễu mắc mưu Quỳnh ba lần, không biết làm thế nào được, đành đòi lại ruộng, song trong ba vụ ấy Quỳnh đã kiếm được cái vốn kha khá rồi.

16. TIỀN MÚA, CHÚA CƯỜI

Nhà Quỳnh nghèo lắm. Một lần ghé qua đền thờ bà Chúa Liễu, thấy nơi khám có nhiều tiền do khách thập phương cúng đặt ở trên mâm Quỳnh nảy ra ý muốn vay. Cậu vừa gieo tiền xin âm dương, vừa khấn :

- Độ rày em túng quẫn, chị lại để tiền không. Xin chị cho em vay, làm ăn khá em chẳng quên ơn chị. Nếu cho vay một phần tư, xin khiến hai đồng đều sắp; nếu cho vay một phần ba, xin cho hai đồng đều ngửa; còn cho vay một nửa, xin sắp ngửa bằng nhau.

Theo kiểu cách ấy, thì đảng nào Quỳnh cũng vay được cả, mà ý bà Chúa Liễu vốn không thích tính Quỳnh, chẳng muốn cho vay, bèn làm cho cả hai đồng tiền quay tít không ngừng.

Thấy vậy, Quỳnh reo lên :

- A, tiền múa, Chúa cười ! Chị thương em nghèo nên cho em vay cả. Xin đa tạ chị !

Nói đoạn, Quỳnh trút hết tiền vào bao, buộc lại rồi ra về.

Mắc mưu Quỳnh, bà Chúa phen này coi như mất trắng.

17. TRẢ ON BÀ CHÚA LIỄU

Mấy năm sau, nhà vua mở khoa thi, Quỳnh lại ra ứng thí. Trên đường đi thi qua đền bà Chúa Liễu, Quỳnh ghé vào nghỉ chân và xin Chúa phù hộ cho thi đỗ Quỳnh sẽ trả lễ hậu. Quả nhiên, khoa thi đó Quỳnh đỗ. Trên đường về làng, Quỳnh ghé chợ mua ngay đôi bò để tạ Chúa. Quỳnh dắt bò mẹ đi trước, bê con lẳng nhẳng theo sau. Đến đền thờ Chúa Liễu, Quỳnh dắt bò mẹ vào đền rồi buộc gần bên tay ngai của Chúa. Xong, Quỳnh quỳ xuống trước bàn thờ khấn :

Chị đã thương em,

Cho vay dẫn vốn.

Chị lại phù hộ

Cho đỗ kỳ này.

Y hẹn có ngày

Bò to tạ chị,

Còn con bê nhỏ

Em đem về làng,

Làm thịt khao dân

Cẩn cáo !

Khẩn xong, Quỳnh dắt bê đi. Bò mẹ thấy mất con rống lên âm ỉ, rồi giật đứt dây buộc làm đổ ngai bà Chúa gảy cả đầu rồng, lồng chạy theo bê con. Thấy thế, Quỳnh liền dắt bò quay lại đền, vào vái bà Chúa Liễu lần nữa và khẩn :

- Đã tạ chị bò

Chị lại muốn cho

Xin đa tạ chị.

Khẩn xong, Quỳnh ung dung dắt cả bò mẹ và con bê về làng.

18. TẠ CHÚA LIỄU BA BÒ

Việc Quỳnh lừa Chúa Liễu chỉ cúng bò bằng lời khẩn sông, lại còn làm đổ gãy cả tay ngài, làm Chúa giận lắm, nên Chúa bắt vợ Quỳnh ồm lăn ồm lóc. Theo yêu cầu của vợ, Quỳnh đành phải đến đền khẩn, để Chúa Liễu giải hạn cho :

- Em có lỗi, thì chị quở em, sao chị lại đi phạt vợ con em bắt phải ồm, mà họ có tội tình gì ? Em xin chị tha cho vợ con em, và xin tạ chị lần này ba bò; em sẽ để ở ngoài sân, chứ không dám vào trong đền, chị yên tâm, khỏi phải lo gãy đổ.

Chúa Liễu nghe Quỳnh nói lẽ những ba bò thì mừng lắm. Lại hứa cúng ở ngoài sân, như thế, thì Quỳnh cũng tỏ ra biết điều.

Khi vợ con hết ồm, Quỳnh lững thững đến đền với đôi tay không, rồi đứng trước bàn thờ Chúa, chấp tay khẩn :

- Chị đã phù hộ cho vợ con em tai qua nạn khỏi, biết ơn chị, nay giữ đúng lời hứa, em xin tạ chị đủ “ba bò” ở ngay tại sân đền.

Nói xong, Quỳnh từ từ lui ra, rồi quỳ xuống, bò đúng ba vòng trước sân. Bò xong, Quỳnh phủi tay, đứng dậy, ngoảnh mặt vào phía bàn thờ Chúa Liễu cười :

- Thế là chị sướng nhá ! Em tạ chị lần này những "ba bò" đấy.

Xong, Quỳnh ung dung bước ra về, để lại nỗi tức giận tràn hông cho Chúa Liễu.

19. MỆO TRẢY KINH

Mùa đông năm ấy, Quỳnh có việc cần đi gặp người bà con đang sinh sống ở Thăng Long. Đường về kinh thì xa, cước bộ phải mất cả tuần, mà Trạng văn vẹn có một quan tiền giắt lưng. Mỗi ngày thứ ba tiền đã tiêu hết nhẵn. Chiều xuống, trời âm u, lại điểm mưa lâm thâm, gió bắc. Đến đầu làng kia, bụng đói cồn cào, vừa may gặp em bé mục đồng dắt trâu về xóm, Quỳnh hỏi thăm lối vào nhà ấp trưởng.

Ấp trưởng làng này vừa giàu sụ, vừa nổi tiếng quý quyết. Qua vài lời chuyện trò với người lỗ độ đường, hăn đoán thăm khách không phải là hạng tầm thường, bèn vồn vã mời nghỉ lại và sai gia nhân làm mâm cơm thịnh soạn để thết đãi. Nhưng mấy ngày liền, khách cứ đi đi lại lại, rồi đến bữa nằm dài đợi cơm rượu, hỏi đến chúc danh công vụ thì cứ ậm ậm ở ờ. Chủ nhà sốt ruột, sinh nghi. Như thường lệ, tối hôm ấy ăn xong một lúc, Quỳnh cáo lui về phòng riêng giáp với phòng ngủ của chủ nhân. Được một chập, Quỳnh tắt đèn lên giường nằm. Biết ở phòng bên có người vẫn thức rình mò mọi hành vi của mình, lát

sau Quỳnh vờ thức dậy rón rén thắp đèn, sau đó cẩn thận lần dưới vạt áo, lấy ra một bọc nho nhỏ bên trong đựng ba gói vuông, bản bằng nhau. Khách cầm bút lông chấm chấm, mút mút đầu ngòi, hí hoáy viết vào từng gói như để đánh dấu cho khỏi nhầm lẫn (thực ra chẳng viết gì cả), miệng lẩm nhẩm đọc, cố ý cho kẻ đang rình bên kia khe vách vừa đủ lắng nghe : Độc dược (thuốc độc) của nhà chúa... Độc dược của bà chính cung... Độc dược của thái tử. Làm như vậy, đoạn Quỳnh đem gói chung thành một bọc như cũ, giắt vào lưng áo. Xong rồi tắt đèn, lên giường nằm trở lại. Khi phòng bên này bắt đầu tiếng ngáy đều đều, thì phòng bên vọng sang tiếng động khe khẽ. Tên áp trưởng bí mật mở chốt cửa ra ngoài, lén đến chuồng ngựa... hộc tốc lao đi trong đêm.

Sáng hôm sau, mới hừng sáng, quan quân từ đâu ập tới nhà áp trưởng đông nghịt, gươm giáo tua tủa vây kín mọi phía. Quỳnh mở mắt, chưa kịp búi tóc⁽¹⁾ đã bị trói nghiêng lại, quăng lên một chiếc xe có bốn ngựa kéo, trẩy gấp về kinh.

Trước phủ chúa, Quỳnh bị điệu ra xét xử với nhân chứng và vật chứng rành rành. Chúa đích thân tự tay mở tang vật. Té ra chẳng có gì ghê gớm ! Chiếc bọc được gói kỹ lưỡng trong mấy lần mo cau, phủ ngoài bằng một vuông vải điều là chiếc bọc chứa ở bên trong mấy gói cơm khô nhỏ, Chúa lấy mũi hài đá té nắm cơm về phía Quỳnh, hất hàm tỏ vẻ khinh miệt :

⁽¹⁾ Thời xưa, đàn ông để tóc dài, búi gọn lên gọi là búi tóc, hoặc củ hành.

- Ta tưởng thế nào... Tài giỏi như Trạng mà cũng ăn cả cái của vút đi này à ?

- Khỏi chúa - Quỳnh đáp lại không chút ngần ngại - nhà chúa thừa thãi mới gọi của đó là của vút đi. Còn thần dân bên dưới đâu dám phung phí một hạt, họ gọi cơm gạo là ngọc thực. Nói rồi, Quỳnh trân trọng nhặt lấy mấy hạt cơm khô, bỏ vào mồm nhai rào rào. Chúa biết mình lỡ lời, đỏ bừng mặt, lại thêm một phen mắc lõm, tức lộn ruột. Không có cơ gì buộc tội Quỳnh, Chúa truyền nọc tên ấp trưởng ra, bắt lính đánh ba chục trượng vì tội nói láo và báo sai.

Trước cảnh tượng ấy, Trạng chỉ mỉm cười. Mặc dầu đã được tha bổng, trước khi bái biệt bề trên, Trạng vẫn không quên giễu Chúa bằng những lời can khéo.

- Xin Chúa rộng lượng tha thứ cho ấp trưởng. Và cho thần được cảm ơn hân cùng quan quân triều đình.

20. DÒM NHÀ QUAN BẢNG

Quan Bảng có cô con gái rước là Thị Điểm vốn nổi tiếng xinh đẹp, nét na, lại hay chữ, đang ngồi dạy học trong nhà. Ngày ngày Quỳnh cứ đi đi lại lại ngoài ngõ, ngó nghiêng Thị Điểm. Bọn học trò biết ý, mách thầy là Quỳnh đến ghẹo cô con gái thầy. Quan Bảng giận lắm cho gọi Quỳnh vào hỏi :

- Anh làm gì mà dòm nom nhà ta, có phải định giở trò chim chuột con gái ta không ?

Quỳnh lễ phép thưa :

- Bẩm quan, con là học trò nghèo, thấy thầy giảng sách hay thì đến nghe nhờ chữ, không dám làm điều gì bậy bạ.

Quan Bảng nói :

- Nếu là học trò thì ta ra cho một câu đối, hãy đối thử ta xem.

Thằng quý ôm cái đầu đứng cửa khô nguyên.

Quỳnh nghe xong đối ngay :

Con Mộc dựa cây bàng dòm nhà bảng nhãn.

Quan Bảng thấy Quỳnh hay chữ tha tội và cho đến nghe giảng sách.

21. ĐỐI ĐÁP VỚI THỊ ĐIỂM

Thuở còn đi học, Quỳnh càng ngày càng mê cô con gái thầy học là Thị Điểm xinh đẹp, đoan trang lại giỏi văn thơ.

Nhưng đối đáp với nàng thật là khó. Có lần Quỳnh từ Mía về, Thị Điểm thấy Quỳnh đang ngồi, liền ra ngay một vế đối có ý trêu :

Lên phố Mía, gặp cô hàng mật, cầm tay kéo lại hỏi thăm đường (kẹo tiếng địa phương còn có nghĩa là kéo lại).

Gặp câu đối ra toàn mía, mật, kẹo, đường, Quỳnh nghĩ mãi không ra vế đối, đành lủi mất.

Một hôm, thấy cô Điểm vào buồng tắm, Quỳnh nghịch ngợm gõ cửa đòi vào. Cô Điểm vốn hay chữ, tức cảnh, ra ngay một vế đối, bảo Quỳnh đối được thì cho vào. Câu đối như sau :

Da trắng vỗ bì bạch

(*bì bạch*, chữ Hán cũng có nghĩa là da trắng).

Quỳnh không tìm ra câu để đối, đành lủi⁽¹⁾ nghĩ bụng sẽ tìm dịp lờm lại Thị Điểm.

Một lần khác, Quỳnh ngồi đối diện với Thị Điểm qua cửa sổ, Thị Điểm lại đọc một câu :

Hai người ngồi song song hai cửa sổ (*song* là hai, *song* cũng có nghĩa là song cửa). Gặp câu hóc búa, Quỳnh bí quá đành lảng ra chỗ khác.

Một hôm trời tối, thừa lúc Thị Điểm ra ngoài, Quỳnh lẻn vào giường Thị Điểm nằm. Thị Điểm không biết, vào buồng sờ soạng, vô tình quờ ngay tay vào... Thị Điểm biết ngay là Quỳnh nghịch ngợm, liền ra cho một vế đối, bảo không đối được sẽ mách thầy học về tội sàm sỡ.

Vế đối ra như sau :

⁽¹⁾ Sau này, có người đối là : *Trời xanh màu thanh thiên* (*Thiên thanh*, chữ Hán, cũng có nghĩa là trời xanh)

Trưởng nội vô phong phạm tự lập

(Trong phòng không có gió mà cột buồm lại dựng lên).

Quỳnh đối ngay được :

Hung trung bất vũ thủy trường lưu

(Trong bụng không có mưa mà nước cứ chảy dài).

Lần đó Quỳnh thoát tội.

Nhân ngày xuân, thầy sai Điểm đem lễ lên chùa. Quỳnh đi theo cùng. Trên đường, Thị Điểm chỉ cây xương rồng bảo Quỳnh :

- *Cây xương rồng, trồng đất rắn, long vẫn hoàn long* (*Long* là lỏng lẻo, chữ Hán *long* nghĩa là rồng, mà chữ rồng đã dùng ở trên).

Về ý, Thị Điểm nói bóng, Quỳnh ngang ngạnh, có dạy dỗ thế nào cũng không chuyển được.

Chữ đối đã khó, ý lại sâu xa. Thế mà Quỳnh đối lại được rất chỉnh, lại tỏ được cái ý nhất quyết giữ cái tính ấy và còn thách thức Điểm nữa.

Quỳnh đối như sau :

- *Quả dưa chuột, tuột thẳng gang, thử chơi thì thử* (*thử* chữ Hán nghĩa là chuột, mà chữ chuột cũng đã dùng trên).

Hai người thấy tư tưởng không hợp nhau nên từ đấy thôi xướng họa.

22. TRÊN CÂM ĐIẾC, DƯỚI CŨNG CÂM ĐIẾC

Nổi tiếng là người thông thái, hiểu rộng, biết nhiều nhưng Quỳnh ngán chuyện cử nghiệp. Mỗi lần triều đình mở khoa thi, nhiều người giục chàng lều chõng ứng thí, chàng đều gạt phăng, nói sang chuyện khác.

Lần ấy, vì nể ý thầy học, lời khuyên của bạn bè, dân làng, Quỳnh đành đi thi cho phải phép. Năm đó, nhà chúa mừng sinh được con trai, các quan trường bèn nảy ra ý nịnh hót chúa, bàn nhau ra đề thi nói về điềm lành của đất nước. Đoán được ý ấy, Quỳnh nghĩ ra một cách làm một bài văn phải hàm được hai nghĩa : bề ngoài, đọc lên nghe như lời ca ngợi công đức của chúa và sự an vui của mọi người, nhưng nghĩa ẩn của nó lại là một sự phủ định. Trong bài văn ấy có hai câu khái quát hiện trạng đất nước như sau :

"Quan tắc cổ, dân tắc cổ, đái hàm quan Nghiêu Thuấn chi dân" (Nghĩa là : Quan cũng theo phép xưa, dân cũng theo phép xưa, đời ơn quan, dân được sống đời Nghiêu Thuấn) và đối lại :

"Thượng ung tai, hạ ung tai, ỷ đầu lai Đường Ngu chi đức" (nghĩa là : Trên cũng vui vậy thay, dưới cũng vui vậy thay, dựa vào đám đầu lại có đức độ thời Đường Ngu).

Mới nghe đọc lên lần đầu, chúa Trịnh đã khen :
hay quá, xứng đáng cho giải nhất ! Quan chủ khảo
đứng bên cạnh liền tâu với chúa :

- Khải chúa ! Trong hai câu ấy, thần thấy có ẩn cái
ý không thuận.

- Quan thật đa nghi quá. Ca tụng công đức của
chúa như vậy có gì mà không thuận ?

- Khải chúa, cứ theo cái nghĩa chữ Hán thì hai câu
ấy đúng là hay thật, nhưng Quỳnh là loại thâm nho,
từng đã dùng chữ nghĩa chơi khăm nhiều người, và
chắc hẳn không bao giờ bằng lòng thứ văn chương
một nghĩa. Theo sự hiểu biết cạn hẹp của thần, thì hai
câu ấy xướng theo nghĩa đồng âm trực tiếp nghe ra
ngại lắm, không dám đọc lên để chúa thưởng lãm.

- Ta cho phép quan cứ nói.

- Khải chúa, nếu vậy thần xin nói, hai câu ấy có
dụng ý phỉ báng, tảo tợn. Nếu đọc theo kiểu nôm, thì
rõ ràng là câu chửi tục.

- Chửi tục cũng không sao, nhà người cứ trình bày
ta nghe thử !

- Vậy thần mạo muội thưa : “*Quan tắc cổ, dân tắc
cổ*” có nghĩa là “trên cũng câm, dưới cũng câm” (thưa :
tắc cổ là câm không dám nói đấy ạ !). Còn “*đái hàm
quan Nghiêu Thuấn chi dân*” tức là “đái vào hàm bọn
quan lại dám bảo rằng dân chúng đang sống dưới thời
Nghiêu Thuấn”.

- Nếu quả vậy thì Quỳnh láo thật !

- Khải chúa, chưa hết đâu. Câu sau này còn hàm ý bóng bở tệ hại hơn. "*Thượng ung tai, hạ ung tai*" có nghĩa là "Đứa trên thối tai, đứa dưới cũng thối tai" (ung tai tức thối tai; là cả trên dưới đều một lũ điếc đày ả). Vì điếc hết nên không biết rằng "*ỷ đầu lai Đường Ngu chi sĩ*" nghĩa là hấn bảo "ỉa vào đầu lũ nha lại dám bảo rằng kẻ sĩ đang mở mặt giữa đời Đường Ngu".

- Láo quá ! Thật láo quá ! Vậy thì nên xử lý như thế nào ?

- Khải chúa ! Đối với Quỳnh phải hết sức thận trọng. Không dễ bắt bẻ hấn ta, vì trên giấy trắng mực đen không thể luận tội được. Chỉ có một cách là bí mật đánh hồng y. Thần là chủ khảo, nên điều ấy không khó, xin chúa hãy yên lòng.

Mà đánh hồng Quỳnh có nghĩa là làm theo đúng ý của Quỳnh đâu có cần đổ đạt. Quỳnh đi thi là để đáp lại tấm thịnh tình của mọi người thân, lại có cơ hội đã kích vào thói xu nịnh của đám quan trường và "chọc" nhà chúa một trận nên thân, còn mình thì vẫn giữ tròn khí tiết.

23. THỪA GIẤY VẼ VOI

Trong lần thi hội, Cống Quỳnh không có ý định ứng thí, nhưng vì nể lời chúa Trịnh ép đi thi để lấy Trạng Nguyên, nên Quỳnh nhận lời.

Lúc vào trường thi, Quỳnh làm bài rất nhanh, xong sớm trước nhiều thí sinh khác. Lẽ ra Quỳnh đem nộp quyển, nhưng vì chẳng thiết chuyện đỗ đạt, nên táy máy giở bài ra xem lại. Thấy còn một đoạn giấy trắng bên dưới, Quỳnh liền chấm bút vẽ một bầy voi, rồi tiện tay đề luôn bên cạnh mấy câu thơ ngẫu hứng :

Văn chương phú lục đã xong rồi,

Thừa giấy làm chi chẳng vẽ voi,

Tớ có một điều xin bảo thật

Đứa nào cười tớ, nó ăn bòi.

Quỳnh làm như vậy là cố ý chọc tức các quan chủ khảo, họ sẽ điên tiết lên khi đọc những dòng này và sẽ đánh hỏng Quỳnh với tội “phạm trường quy”. Thực ra Quỳnh đâu cần sự thăng quan tiến chức.

Lúc ấy, có viên giám thị theo dõi, liếc thấy bài thơ tứ tuyệt ngạo mạn của Quỳnh, bèn chạy đi báo với quan giám khảo. Quan sơ khảo và quan phúc giám khảo rón rén đến dòm thử, thì quả đúng như vậy.

Quỳnh biết các hành động của ban giám khảo, nhưng cứ tảng lờ coi như không. Đợi đến lúc các quan trường xúm lại đông đảo, Quỳnh mới đưa bút viết tiếp hai câu thơ nữa vịnh bức tranh voi vừa vẽ :

Voi mẹ, voi con, voi lúc nhúc

Chú sơ, chúc phúc, rúc mà coi.

Đám quan viên lúc này cảm thấy sượng sùng nên bầm nhau rút lệ, đứng lâu ở đó e không khéo lại bị Quỳnh chơi khăm, mất mặt nữa.

Trong khi đó, Quỳnh thông thả thu xếp lều chõng lại, rồi ngửa mặt lên trời cười - cái nụ cười đầy khinh bạc.

24. QUAN TRƯỞNG MẮC LỖM

Năm ấy, vua mở khoa thi, Quỳnh sắm sửa lều chõng vào kinh ứng thí. Với ý muốn ngạo đời cho thỏa chí bình sinh chứ chẳng vì cái chân khoa bảng. Vào trường thi, sau hồi trống ra đề, Quỳnh hí húi viết một chập, rồi đứng dậy, đi lại lảng xảng, cố gọi sự chú ý của quan trường. Quả nhiên, quan coi thi gọi Quỳnh lại, hỏi xem bài vở. Quỳnh vờ giấu ống quyển ra sau lưng và nói :

- Bẩm quan, văn con chẳng ra làm sao cả.

Biết tiếng Quỳnh hay chữ, quan coi thi tưởng Quỳnh nói nhún, đòi Quỳnh đưa ống quyển đựng bài cho xem.

Quỳnh năn nỉ :

- Bẩm quan, con nói thật mà ! Quyển con thối lắm, chẳng có văn chương chữ nghĩa gì đâu. Con chỉ sợ khi mở ra, các quan bịt mũi không kịp.

Nghe vậy, quan coi thi càng khăng khăng bắt Quỳnh phải đưa quyển cho xem. Quỳnh đành phải đưa và nói to :

- Con nói thật, các quan không tin, xin đừng có quở.

Mấy viên quan coi thi chụm đầu quanh ông quyển của Quỳnh và cùng nhau mở ra xem.

Té ra, ống quyển của Quỳnh đựng toàn nước tiểu hòa với cứt, rồi bắt cào cào nhốt vào trong đó, nút lại. Khi nắp quyển mở ra, cào cào nhảy vọt lên, bay tứ tung, bám cả vào mặt, vào đầu các quan. Các quan giận lắm, nhưng chẳng có lý gì để bắt tội Quỳnh cả. Cố nhiên, năm ấy Quỳnh thi trượt.

25. NGỌC NGƯỜI

Chúa có một viên ngọc quý, suốt ngày nâng niu, giữ rất cẩn thận. Nhân một buổi dạ tiệc, Chúa đem ngọc ra khoe. Các quan nhiều kẻ có thói hay nịnh bợ, đua nhau tán tụng. Kẻ thì nói : “Ngọc của chúa quý hơn ngọc rắn, mang vào người, có thể nghe được tiếng chim kêu, tiếng sâu, kiến !”. Kẻ khác lại nói : “Ngọc của chúa quý hơn ngọc rết, giữ ngọc rết trong người

dao chém không đứt, tên bắn không trúng, xông pha trận mạc như đi vào chỗ không người !”. Kẻ khác lại ngọt ngào : “Ngọc của chúa quý hơn ngọc ba tiêu, lấy trong cây chuối, ba nghìn năm mới có một lần, giữ được ngọc này thì thoát tục, tới được cõi bồng lai, lại có thể phân biệt được đâu là kẻ yêu quái, đâu là người trần tục !”. Nhiều kẻ thi nhau tán tụng, nào đó là ngọc ký thủy, ngọc ký hỏa v.v...

Thấy Quỳnh vẫn đứng im chưa nói năng gì, chúa bèn hỏi. Quỳnh chấp tay cung kính thưa :

- Khải chúa, trong cõi đất trời, không có gì quý bằng người. Ngọc rắn, ngọc rất có quý, nhưng sao dám sánh cùng ngọc người... Ngọc người chỉ nằm trong óc người. Nhưng, chỉ kẻ nào ngu ngốc mới có ngọc, còn thông minh thì lại không thể có.

Chúa hỏi :

- Sao người ngu ngốc mới có ngọc ?

Quỳnh đáp :

- Chúa chả nghe người ta bảo người khôn thì anh hoa phát tiết ra ngoài đó ư ? Còn người ngốc, bao nhiêu tình khôn, tài trí không phát tiết ra ngoài được, nên hun đúc trong óc, rồi lâu ngày thành ngọc.

Chúa nghe thích lắm, bèn bảo :

- Nhà người hãy tìm kiếm cho ta một viên ngọc người.

Quỳnh lại tâu :

- Kẻ hạ thân, tuy là người trần mắt tục, nhưng vẫn thấy hào quang sáng trưng quanh mình chúa.

Đám văn võ bá quan đang có mặt lại thi nhau quì lạy:

- Dạ, hào quang sáng trưng quanh mình chúa thượng đó ạ ! Chúng thần nhìn rõ lắm ạ !

Nghe những lời tâu của bề tôi, chúa thích lắm, Quỳnh tiếp :

- Tâu chúa thượng, đó chính là hào quang của viên ngọc. Nếu chúa muốn thấy nó xin chúa truyền cho quan ngự y tìm cách mổ óc ạ !

Chúa chợt hiểu ra, tức uất đầy người, mà chả làm gì được Quỳnh.

26. KHỐN NẠN THÂN GÀ THIẾN

Bọn hoạn quan nơi phủ chúa rất thích chơi gà. Chúng bỏ rất nhiều tiền mua những con gà chơi nòi, đá hay nhất nước, đem về nuôi. Nghe nói Trạng Quỳnh có con gà đá hay, thắng gà nhiều nơi, kể cả gà của sứ Tàu, chúng bèn đến xin Trạng cho gà đấu thử. Biết bọn hoạn quan độc ác, thường gây tai họa cho nhiều người, Trạng Quỳnh ghét lắm, quyết làm chúng bẽ mặt một phen. Trạng hẹn chúng sáng ngày mai đem gà đến chơi và loan tin cho bàn dân thiên hạ trong thành đến xem.

Sáng hôm sau, bọn hoạn quan đem gà đến nơi hẹn. Quỳnh cũng ôm một chú gà thiện của người hàng xóm do Quỳnh nói khó mượn được, thủng thẳng bước vào trường gà.

Con gà trống thiện của Trạng Quỳnh vừa thả ra đã bị gà chọi nòi của viên hoạn quan xông đến mổ vào đầu và đá cho một phát toạc úc ra, gãy đành đập chết ngay. Sau khi đá thắng, chú gà chọi nòi hùng dũng vỗ cánh, vươn cổ gáy một hồi. Bọn hoạn quan nháy nhót, reo hò. Bấy giờ, Trạng Quỳnh mới thiếu nảo bước vào, ôm lấy gà của mình, khóc rống lên, kể lể :

- Khốn nạn thân mày, gà ơi ! Khi chưa bị hoạn, mày vẫn giỏi giang. Nay bị hoạn mất hai hòn dái rồi, sao không biết thân biết phận, còn hung hăng đấu đá, để đến nỗi chết thảm, chết hại như thế này. Khốn nạn thân mày, gà ơi là gà !

Biết là bị chửi xỏ, bọn hoạn quan vừa tức vừa xấu hổ. Chúng vội vã ôm gà lui đi giữa tiếng cười dòn dã của dân chúng kinh thành.

27. LỖM QUAN THỊ

Một quan thị, mới năm chục tuổi, cũng học làm sang, bắt chước các bậc hươu quan, mở đám, ăn mừng thượng thọ. Hắn còn muốn lưu danh thiên cổ, nên nhờ người mày mò đến xin chữ Trạng Quỳnh. Quỳnh vờ lấy sách ra, tra cứu, ngẫm nghĩ hồi lâu, rồi viết hai chữ

Thiện Đức trao cho người kia mảnh vế. Viên quan thị đưa ra ướm hỏi những người biết chữ nhỏ, ai cũng khen hai chữ ấy vừa thâm thúy, vừa có hậu. Chủ nhân mừng lắm, cho phóng thành đại tự, khảm vào bức hoành phi sơn son thếp vàng treo ngay trên trung đường tại tòa tư thất mới xây xong.

Ít lâu sau, viên quan thị đi đâu cũng bị người ta gọi cái tên mới là quan “*đục thiện*”. Hắn gân cổ mắng trả, liền được nghe giải thích :

- Cái tên mỹ tự ấy là tự ngài treo ở giữa nhà, nên chúng tôi mới dám gọi thế, ngài còn nói gì nữa !

Thì ra, *thiện đức* - nói lái là “*đục thiện*” !

Quan thị lúc này chưng hửng, mới biết mình bị chơi khăm, lạng lẽ về nhà, sai gia nhân hạ bức hoành xuống, đem giấu ở buồng trong.

28. LẠI LỖM QUAN THỊ

Quỳnh thừa biết lũ quan thị và bọn quan võ xưa nay vẫn hiểm khích đối kỵ nhau.

Một hôm, Quỳnh đến nhà quan thị đứng đầu giám ban, đọc cho nghe một vế đối :

“*Thị vào châu, thị đứng, thị trông, thị muốn ấy, thị không có cậ*”.

Trạng giảng cho hần hiểu chữ “thị” có nhiều nghĩa, gồm cả : *hầu (chầu), trông, ấy* và *cậy* nữa rồi nói kháy :

- Vế đối này rõ ràng dụng ý ám chỉ không tốt vào ngài. Tôi thấy còn “đau hơn hoạn” !

Tên trưởng giám ban tức lộn tiết, muốn biết kẻ nào đã “móc” hần như vậy. Quỳnh cười, bảo :

- Tôi chẳng cần mách người nào “móc máy” ngài. Chính mắt tôi đã trông thấy những chữ ấy bên dinh quan đề đốc. Nhưng ngài chớ hé với ai là tôi mách nhé ! Tôi rất ngại mang thù, chuốc oán...

Sau đó, Quỳnh đến nhà đề đốc. Quỳnh khoe vừa được xem một vế đối ở dinh trưởng giám ban.

- Đối thế nào ? Quan đề đốc sốt sắng hỏi.

Quỳnh nhăn mặt, lắc đầu :

- Chưa chát lắm ! Sâu cay lắm ! Tôi nghĩ, vế đối ấy phải là những tay cự phách mới làm nổi. Nhưng mà ngài đề đốc này, tại sao lại có người thù ghét các người ghê gớm đến thế ? Không có võ làm sao vẫn sống nổi, hưởng hồ các ngài cùng cảnh binh nhưng với nhau, nõ “chơi” nhau làm gì kia chứ ?

Tên trùm quan võ vẻ mặt bưng bưng, tóc dựng đứng, chưa mặc áo giáp vào, thấy người đã nóng ran. Hần nghiêng răng kèn kẹt, giục Trạng :

- Ông đọc ngay đi ! đọc ngay đi, tôi phải cho bọn ấy biết tay !

Quỳnh còn làm bộ lăm nhăm ôn lại rồi mới cất giọng :

"Vũ ý mạnh, vũ ra vũ múa, vũ bị mưa, vũ bện xoắn lông"

Đọc xong, lại xuýt xoa :

- Chà ! Chữ "vũ" tai ác thật. Một đồng âm bốn, năm nghĩa : *mạnh, múa, mưa, lông*... Thế thì có thánh mới hòng đối lại được.

... Hôm sau, Trạng nghe đám gia nhân kháo nhau : Tối qua, quân quan đề đốc với bọn kiêu binh của trưởng giám ban choảng nhau một trận ra trò. Phía quan thì hai người trọng thương, còn bên dinh đề đốc thì nhà sảnh bị phá tan hoang, tanh bành...

Trạng cười thầm : "Không phải chúng "choảng" nhau, mà là ta đánh bọn "văn dốt vũ dốt" đấy".

29. TIÊN SƯ THẲNG BẢO THÁI

Vua Lê ngày càng hèn yếu để chúa Trịnh lộng quyền gây nhiều phiền nhiễu cho dân. Một hôm, Quỳnh cho người ra chợ, bảo tất cả các cửa hàng thịt rằng ngày mai nhà quan Trạng có việc khoản đãi các quan, cần mua mỗi cửa hàng dăm cân thịt ngon, nhờ cửa hàng thái sẵn để đấy. Các chủ hàng thịt mừng lắm, vì bỗng được dịp hầu quan Trạng.

Hôm sau đến phiên chợ, bọn hàng thịt đều bớt lại năm cân thịt ngon nhất, thái sẵn chờ người nhà Trạng đến lấy. Nhưng chờ mãi, chờ mãi, đã quá trưa mà chẳng ai đến lấy thịt. Bọn họ đổ rằng, quan Trạng bận, chưa kịp sai người đến lấy, bèn gói ghém thịt cẩn thận, rủ nhau đem đến nhà Trạng. Đến nơi, thấy bốn bề lặng ngắt, họ chẳng biết thế nào, đành cùng nhau kéo vào trong nhà hỏi :

Nghe bọn họ kể lại đầu đuôi, Trạng Quỳnh vờ ngạc nhiên, nói :

- Chắc có kẻ nào lừa các vị rồi. Nhà tôi có việc gì đâu mà cần thịt. Đã thế, các vị cứ ra giữa chợ mà chửi cha đứa nào “bảo thái”.

Thế là cơn tức giận bùng lên, bọn hàng thịt hăm hăm kéo nhau ra giữa chợ và cứ réo ầm lên :

- Tiên sư thằng “bảo thái” ! Tiên sư thằng “bảo thái”⁽¹⁾.

30. MÓN “ĐẠI PHONG” DÂNG CHÚA

Chúa xối quá nhiều sơn hào hải vị nên sinh ra biếng ăn, gọi Trạng Quỳnh vào bảo :

(1) Bảo Thái là một trong hai niên hiệu của vua Lê Dụ Tông. Thành thử vua được nghe thiên hạ chửi một bữa no nê.

- Ta nếm đủ mùi sơn hào hải vị, không còn thấy có món nào ngon nữa. Trạng có biết trên đời còn món gì lạ mà ngon không ?

Trạng tâu :

- Khỏi chúa đã xơi mầm đá chưa ?

Chúa :

- Ta chưa nghe nói đến món ấy bao giờ.

Trạng :

- Món này đại bổ và đại ngon. Theo sách dạy, người ăn món này phải ngồi chờ từ lúc nấu tới khi chín, không được ăn gì khác giữa chừng. Nếu chúa muốn dùng thử, thì ngày mai xin chúa ngự giá đến tể xá của thần, thần xin đích thân nấu dâng chúa.

Chúa hài lòng, hẹn mai sẽ đến nhà Trạng.

Hôm sau, chúa đến thật. Quỳnh mời chúa ngồi, rồi đốc thúc người nhà đốt lò, quạt bếp, cho đá vào nồi ninh ngay trước mặt chúa. Chúa ngồi nói chuyện với Quỳnh từ sáng đến trưa đã thấy ngót bụng, hỏi Quỳnh mầm đá chín chưa. Quỳnh chạy tới bếp, múc một viên đá lên bấm thử rồi đưa chúa xem, nói là chưa đủ, xin chúa đợi cho một lúc nữa. Chúa nóng ruột, đi ra đi vào. Chúa chờ tới quá trưa sang chiều, rồi đến lúc mặt trời sắp lặn mà mầm đá vẫn chưa chín. Đói quá, chúa phải hỏi Trạng có món gì khác thì cho ăn tạm.

Trạng vào lấy một bát cơm nguội trộn tương dăng chúa. Chúa đói ngấu nên ăn thấy ngon lắm, rồi không chờ được, ra về.

Hôm sau, Trạng vào châu, chúa hỏi :

- Hôm qua Trạng dăng món gì mà ta ăn thấy ngon quá thế ?

Trạng tâu :

- Đó là món “Đại phong” chính hiệu của nhà thần đấy ạ !

Chúa tấm tắc khen mãi.

Tan châu, các quan văn võ xúm lại hỏi Quỳnh, đại phong là món gì.

Quỳnh ung dung đáp :

- Đại phong là gió to. Gió to thì đổ chùa. Đổ chùa thì tượng lo. Tượng lo là lọ tương.

Nghe xong, các quan sửng sốt !

31. THI MÂM NGŨ QUẢ

Đã thành lệ nhiều năm qua, cứ đến dịp rằm trung thu, nhà chúa lại mở cuộc thi mâm ngũ quả. Những nhà giàu cùng bọn quyền quý ở Thăng Long từng bỏ ra hàng vạn quan tiền, hàng trăm đĩnh bạc mà chưa năm nào có người giật nổi giải nhất hội thi. Chúa Trịnh rất khó tính

trong cách chọn quả, lựa mâm. Nhất là mấy kỳ gần đây, chúa mắc bệnh cúm (sợ) nắng, cúm gió. Trong dạ hội, chúa chỉ rủ màn ngồi ngự lãm, còn chính cung lệnh bà⁽¹⁾ mới là "chúa" thực sự làm giám khảo, thì việc chấm giải càng rắc rối khắt khe hơn nữa !

Đặc biệt năm nay, Trạng Quỳnh cũng đăng cai tham dự cuộc thi. Trạng nói trước với bầu bạn : "Tôi đã trượt hội thi, lần này quyết đoạt giải hội rằm".

Mặc cho thiên hạ đua nhau chuốc các thứ quả hiếm về bày mâm, nào hồng Hạc Trì, nào lê, đào Lạng Sơn, nào nhãn Sơn Nam (Hưng Yên), nào bưởi Nghệ... Vào cuộc thi, Trạng thanh thoi nhón nhơ tay không, chỉ giắt ở cổ áo dài một tờ giấy cứng cuộn tròn. Đến lượt mình, Quỳnh rút tờ giấy, trải phẳng trên án thư trước mặt chúa và bà chính cung. Đó là tờ tranh vẽ một thiếu nữ mười lăm tuổi khỏa thân, dáng yêu kiều, nằm nghiêng mình về một phía, một chân hơi co, một chân duỗi thẳng, đôi bàn tay úp lại đặt dưới ngực, ngón tay đan chéo vào nhau... Dưới tờ tranh đề : *Mâm ngũ quả rằm !*

Quỳnh ung dung nói :

- Xin nhà chúa thưởng ngoạn và cho điểm "mâm ngũ quả" thần mới sẵn.

Chúa nghiêm mặt :

⁽¹⁾ Vợ cả chúa Trịnh.

- Người nghĩ thế nào, đảm bảo đấy là mâm ngũ quả ?

Quỳnh lặng lẽ lùi ra xa một bước, dùng cây quạt tay thước lần lượt điểm lướt qua bức tranh :

Trước hết chỉ vào đầu thiếu nữ và nói : đây là quả bưởi, tiếp đó, đến đôi mắt, lại nói : đây là chùm nhãn hai quả ! Cây quạt dừng lại ở ngực, Quỳnh tau : đây là một cặp đào tơ. Còn đôi bàn tay úp lại với những ngón tay nuột nà kia là trái phật thủ. Và đến chỗ cuối cùng, Quỳnh mỉm cười lấy đầu cán quạt khoanh một vòng : đây là quả mít mới bổ, còn nguyên mùi thơm phức !

Bất giác, đức ngài thích chí cười như nắc nẻ, Bà chính cung thấy chúa đã mắc bệnh hiểm nghèo, còn thích những của “khó tiêu”, chỉ cười nhạt rồi cất vấn lại Quỳnh :

- Ngõ Trạng cho xem trò gì mới mẻ, chứ thứ ngũ quả ấy thì nữ nhân nào mà chẳng có ?

Quỳnh biện bác ngay :

- Tau lệnh bà, tục ngữ có câu “người năm bảy đấng, của năm bảy loài”. Đâu phải người nào cũng giống người nào ! Có bậc anh linh kiệt xuất như bà Trưng, bà Triệu; có bậc hiếu hạnh tài trí như Ngọc Hoa, Phương Hoa⁽¹⁾; những kẻ người trần mắt thịt, thất đức, thất phu⁽²⁾ thì đem gánh

(1) Nhân vật nữ trong truyện nôm khuyết danh : “Phương Hoa” và Phạm Tải – Ngọc Hoa.

(2) Người phụ nữ bạc ác, đối xử tàn tệ với chồng con.

đồ đi không hết... Thân trộm nghĩ, thức cây, thức quả cũng vậy thôi ! Có thứ bưởi đào, bưởi ngọt, nhãn lồng, nhãn giống, đào tiên, đào tơ, mít thơm, mít mật... Lại có thứ bưởi đắng, bưởi lựu, nhãn trơ, nhãn còi, đào phàm, đào diếc, mít đặc, mít dai... Xin lệnh bà xem lại cho kỹ, mâm “ngũ quả” của thần dâng nhà chúa đúng là mâm ngũ quý, hiếm.

Quỳnh thao thao bất tuyệt. Bà chính cung cũng nghe câu được câu chăng, lại sợ mình bị lẫn vào loại nữ nhân tầm thường, bèn hỏi lại cho rõ :

- Thế Trạng xếp ta vào “đắng” người nào ?

Quỳnh nhìn chằm chằm bà chúa từ đầu đến gót rồi làm ra bộ cung kính :

- Tâu lệnh bà, nhan sắc như lệnh bà... đáng được xếp vào loại “khuyên thành, khuyên quốc !”.

Bà chính cung cũng chẳng hiểu diễn tích sâu xa⁽¹⁾, đoán là mình được khen đẹp nhất nước, trong bụng có ý hàm ơn Trạng.

Nhà chúa từ nãy vẫn mãi ngắm nghía “trái mít bồ đôi” trên bức tranh, không để ý đến mọi sự đối đáp giữa chính cung và Trạng. Rồi đức ngài thở dài, chép miệng :

- Giá mâm “ngũ quả” này là thật, thì ta chấm giải nhất ngay cho người.

⁽¹⁾ Ý nói sắc đẹp người đàn bà làm vua say đắm đến nỗi dễ mất nước, mất thành vào tay giặc.

Quỳnh biết chúa đã xiêu lòng, tâu luôn :

- Nếu mâm "ngũ quả" của thần mà thật, tức là nó có thể sờ thấy, ngửi thấy, có thể ăn được như người mong muốn, khải chúa và chính cung lệnh bà, thậm chí nghĩ thế thì giá trị của nó chẳng thể lâu bền. Bởi, dầu thơm tho ngon miệng, ngon mắt đến mấy, những thứ đã gọi là "ăn" được, vào tay bậc cao sang như nhà chúa cũng chỉ thưởng thức một vài lần là chán ngay.

Bẩm... mâm ngũ quả của thần vô giá, không có thứ hoa quả nào sánh được. Đem bày nó ra, không dậy diễm gì, chúa không sợ thiu, sợ thối "ăn" cả năm cả đời vẫn không hết. Mà muốn "ăn" lúc no, lúc đói, khi nào cũng tốt, không ngại bội thực, khó tiêu.. Thậm chí cả nhà, cả họ nhà chúa muốn cùng "ăn" cũng không sợ mất phần của ai. Bẩm, chính vì nó đặc biệt quý như vậy, thần mới đem dâng chúa, còn việc dự thi chỉ là nhiên hậu.

Chú Trịnh quay sang bên phải, vấn ý chính cung. Bà chúa mỉm cười...

Thế là rằm tháng tám năm ấy, Trạng chiếm giải nhất cuộc thi "mâm ngũ quả".

32. TRỘM MÈO CỦA CHÚA

Chúa có con mèo đẹp, nên quý nó lắm, thường bắt kẻ dưới hầu hạ con mèo rất cực nhọc. Một hôm, Quỳnh vào phủ chúa bắt trộm mèo đem về nhốt lại.

Đến bữa, Trạng để ra trước mặt mèo hai đĩa thức ăn, một đĩa đựng thịt cá, còn đĩa kia chỉ có rau muống luộc. Thấy thịt cá, mèo sục ngay đầu vào ăn. Trạng để sẵn roi bên cạnh, hề thấy mèo ăn đĩa thịt cá là đánh. Cứ như vậy, vừa bị đánh đau, vừa bị bỏ đói, mèo đành ăn sang đĩa rau. Rèn được một tháng như vậy, mèo chỉ ăn rau, không dám bén mảng đến đĩa thịt cá nữa. Lúc ấy, Trạng mới thả mèo ra.

Từ khi mất mèo, ngày nào chúa cũng sai người đi tìm. Nay thấy mèo của Trạng giống mèo của chúa, lính đi tìm về bẩm lại. Chúa sai Trạng đem mèo vào phủ để chúa xem thử. Quả nhiên, con mèo ấy giống hệt mèo của chúa. Chúa cho là Trạng bắt trộm mèo của mình. Trạng quỳ xuống phân bua :

- Bẩm chúa, mèo của chúa là mèo quý, còn mèo của thần là mèo hèn hạ làm sao có thể nhầm lẫn được. Chẳng tin, chúa cứ thử mà xem.

Chúa hỏi cách thử, Trạng đáp :

- Mèo của hạ thần theo nếp nhà, chỉ biết ăn rau. Mèo của chúa ngược lại, chỉ biết ăn thịt cá. Xin chúa cứ sai lấy ngay ra đây một đĩa rau và một đĩa thịt cá để thử mèo ăn thứ nào, thì sẽ biết ngay là mèo này của ai.

Chúa sai người làm như Quỳnh nói, đặt hai đĩa thức ăn khác nhau trước mặt mèo. Quả nhiên, con mèo tiến thẳng đến đĩa rau, ăn một cách ngon lành. Trạng Quỳnh khoan thai bước tới ôm mèo, cáo tạ chúa ra về. Còn chúa thì chỉ biết nhìn theo tiếc ngẩn, tiếc ngơ.

33. ĐÀO TRƯỜNG THỌ

Nhiều kẻ xu nịnh khi có được của ngon vật lạ thường dành đem biếu vua. Trạng Quỳnh rất ghét thói xu phụ đó. Một hôm, túc trực trong cung, có người đem dâng vua một mâm đào, gọi là “Đào trường thọ”, Quỳnh thủng thỉnh lại gần, lấy một quả, ăn trước đông đảo mặt vua quan. Vua quả, giao xuống cho các quan nghị tội về hành vi của Quỳnh. Các quan chiếu theo luật “mạn quân”, tâu phải chém đầu. Quỳnh quỳ xuống thưa rằng :

- Đình thần nghị tội hạ thần như vậy, thật là đúng luật, không oan, nhưng xin hoàng thượng rộng dung cho hạ thần được nói vài lời rồi chết cho thỏa !

Vua phán bằng lòng. Bấy giờ Trạng mới chậm rãi nói :

- Muôn tâu bệ hạ, hạ thần có bụng tham sinh, sợ số chết non, thấy gọi là quả “trường thọ” thêm quá, tưởng ăn vào được sống lâu như ông Bành Tổ để được thờ vua cho tận trung. Không ngờ nuốt chưa khỏi mồm mà chết đã đến cổ ! Hạ thần trộm nghĩ đây chính là đào “đoản thọ” chứ không phải đào “trường thọ”. Xin vua hãy chém đầu kẻ dâng đào dối trá trước, được vậy hạ thần đây có chết cũng cam lòng.

Vua nghe Quỳnh nói có lý, bèn tha tội cho cả Trạng lẫn kẻ dâng đào.

34. CÂY NHÀ LÁ VƯỜN DÂNG CHÚA

Bị Trạng lờm đã nhiều lần, chúa vẫn để bụng tìm cách trả thù. Một hôm, chúa sai lính đến ỉa vào nhà Trạng cho bỏ ghét. Trạng vui vẻ bảo ba quân cứ việc thi hành lệnh chúa. Rồi Trạng vào nhà, lấy dao cắm lăm lăm trong tay và nói :

- Chúa sai các người ỉa vào nhà ta, chứ không sai đái vào nhà đấy. Hễ kẻ nào trái lệnh chúa, ta sẽ cắt ngay chim đi.

Nghe vậy, nhiều tên sợ hãi bỏ về, vì xưa nay có ai ỉa mà nhịn đái được đâu. Duy có mấy tên láu lĩnh, lấy gáo dừa hứng nước đái, chúng vừa thi hành được lệnh chúa, vừa làm đúng yêu cầu của Quỳnh. Trạng Quỳnh đành nuốt giận.

Tháng sau, Quỳnh sai người đi chợ thật xa, chọn mua mấy cây cải rõ to, đem về dâng chúa. Chúa sai nhà bếp nấu, ăn thấy ngon, khen là Trạng biết kính chúa. Chúa hỏi cải ở đâu mà to, ngon như vậy. Trạng thưa :

- Bẩm chúa, chả là tháng trước chúa sai lính đến nhà ỉa vào nhà thần, thần đã cho người hốt tất cả đem bón cho cải trong vườn. Nhờ thế nên cải lớn nhanh và to như vậy. Nghĩ tình chúa tôi, gọi là “cây nhà lá vườn”, thần xin kính dâng chúa để người thưởng thức.

Chúa giận tím gan, nhưng không biết nói sao, đành nín lặng để chờ dịp khác tìm cách trị Quỳnh.

35. ĐÁ BÈO

Một bà chúa có nhan sắc hơn người, nhưng phải cái tính kiêu kỳ, đi chơi phổ hễ gặp ai trái mắt, không vừa ý mình là có thể sai lính đánh đập vô tội vạ. Đã thế, bà ta lại hay tò mò, thích tìm biết chuyện lạ của người khác.

Một hôm, Quỳnh đang lững thững đi chơi, thì nghe ở phía trước có tiếng ồn ào, rồi có người bảo nhau là bà chúa đang đi chơi. Quỳnh nảy ra ý đón đường để chạm mặt bà chúa kiêu kỳ, hay tò mò này một phen. Gần đấy có một ao bèo, Quỳnh lội xuống, vừa té nước, vừa đá chơi. Khi kiêu bà chúa đi qua, Quỳnh vẫn cứ hai chân đá bèo văng tứ tung như thế, mặt thì ghéch lên nhìn vào kiêu như có ý thách thức người ngồi ở bên trong.

Lúc này bà chúa cũng đã nhận ra Quỳnh đang làm cái trò lẩn thần giữa nắng hè gay gắt. Tính tò mò bị kích thích, bà ta muốn biết nguyên cớ của cái trò nghịch ngợm kia, bèn cất giọng hỏi trước :

- Ông Trạng rồi rỗi lắm sao mà ra ao nghịch nước giữa trưa nắng như trẻ con vậy ?

Quỳnh ngẩng lên đáp :

- Vâng, chào bà chúa. Ở nhà chẳng có việc gì làm, trời nắng cực quá, nên ra ao khoắng nước, đá bèo chơi cho đỡ cơn.

Nghe xong, bà chúa bỗng thẹn đỏ mặt, khi chợt hiểu mấy từ nói lái của Trạng, vội giục lính khiêng kiệu đi nhanh.

36. CHÚA NGỦ NGÀY

Một buổi trưa, Quỳnh vào hầu chúa, không thấy chúa ở cung, hỏi thị vệ, thì ra chúa đang giấc. Nhân sẵn bút nghiên, Quỳnh đề ngay hai chữ vào tường rồi ra về.

Lúc chúa dậy, ra công đường, thấy ở tường có hai chữ “ngọa sơn” nét mực hầy còn tươi rói, không biết ai đề và cũng không biết nghĩa ra làm sao. Khi hỏi thị vệ mới hay là chữ của Quỳnh. Đến buổi chiều, đông đủ các quan, chúa hỏi, không ai đoán được, phải triệu Quỳnh đến.

Quỳnh thưa :

- Hai chữ ấy chẳng có gì là sâu sắc cả, hạ thần cứ lấy nghĩa đen mà viết, xin chúa chịu khó nghĩ một chút là hiểu ngay thôi.

Chúa nghĩ không ra mới nài Quỳnh :

- Cứ cắt nghĩa cho ta nghe, không hề chi mà ngại.

Quỳnh ngập ngừng mãi mới nói :

- Chữ “ngọa” nghĩa là nằm, mà nằm hẳn phải ngủ, mà ngủ tất phải ngáy. Chữ “sơn” nghĩa là núi, núi tất phải có đèo, vậy hợp hai chữ lại là “ngáy đèo”...

Cả triều ai cũng bùm miệng cười, chúa không chịu được bật cười to, muốn bắt tội Quỳnh, nhưng chúa đã lỡ hứa rồi, đành thôi.

37. CHỮA BỆNH CHO QUẬN CHÚA

Cô con gái út của chúa Trịnh bị bệnh sởi, sốt đã bảy ngày, thuốc hay thầy giỏi chẳng thiếu thứ gì, bệnh vẫn không lui. Chúa sai gọi Trạng Quỳnh lại thăm bệnh của quận chúa út và bảo Trạng :

- Người hãy hết lòng cứu chữa cho con ta. Quận chúa qua khỏi được, thì ta sẽ trọng thưởng.

Trạng vào thăm bệnh, biết là quận chúa bị bệnh sởi, còn phải sốt cao năm ba ngày nữa, đến khi sởi mọc hết mới giảm sốt. Nhưng vốn không ưa chúa và bọn quan lại trong triều, nên Trạng tâu ngay :

- Bệnh quận chúa nặng, phải làm lễ dâng sao mới khỏi. Thần xin làm sớ tể, nhưng tên các sao thì nhiều và lạ, nên xin chúa cho phép thần chọn người học rộng trong số bá quan để đọc sớ tể.

Chúa Trịnh chuẩn tấu, xuống chiếu cho các quan chờ nghe Trạng gọi ai, thì người đó sẽ đọc sớ tể.

Các quan lo lắng, cho người nhà đi dò la thì chỉ thấy Trạng đang sai người nổi giấy cuốn lại thành cuộn to như cái bồ để chuẩn bị viết sớ. Quan nào quan nấy

thấy số tế dài dằng dặc thì lo mất mật, chỉ sợ bị gọi mà không đọc được sẽ bị mất chức phen này. Vì thế các quan thay nhau đem lễ vật đến biểu Trạng và khẩn khoản xin Trạng miễn cho việc đọc số. Ông thì kêu đau lưng mỗi gối, người thì than tuổi hạc đã cao, có ông lại viện cớ nhức răng, đau mắt...

Trạng nhận lễ vật, điểm đầu không thiếu quan nào nữa, bèn vào tâu với chúa :

- Thần xem các quan không ai có đủ kiến văn để đọc số. Vậy thần xin đích thân đọc số tế cho quận chúa.

Chúa phán :

- Cứu bệnh như cứu hỏa, Khanh hãy rán sức vì ta mà làm cho tốt.

Đêm hôm lễ dâng sao, Trạng sai lính tháo cuộn giấy to bằng cái bồ ra, thoát vừa mở cuộn giấy Trạng đứng cạnh đọc ngay :

Trên trời có muôn vì sao

Rồi Trạng đứng im chờ. Giấy cứ tháo ra mãi, ra mãi, đến gần cuối mới thấy có mấy dòng chữ, Trạng đọc tiếp :

Có phải vị nào, xin vào ăn xôi.

Ăn xong, sao lại lên trời

Độ cho quận chúa phục hồi sức xuân.

Cẩn cáo !

Cúng xong được một ngày thì sỏi mọc hết, quận chúa hạ sốt ngay. Rồi sỏi bay, quận chúa khỏi hẳn bệnh.

Chúa mừng lắm, trọng thưởng cho Quỳnh. Riêng Trạng, nhận thưởng đem về nhà rồi, cứ ngồi tằm tằm mà cười một mình.

38. MỪNG CHÚA THẮNG TRẬN

Chúa Trịnh sau khi tuần du một vùng biên ải miền tây, trở về kinh sư huênh hoang khoe rằng “quân nó” vừa thua to, vì bị quân nhà chúa nửa đêm bất thần phá lũy đánh thốc vào... Phụ họa với nhà chúa, bọn quan nội và lũ nịnh thần đua nhau dâng biểu chúc tụng. Nhân cơ hội này, Quỳnh cũng làm một bài thơ gửi mừng chúa. Thơ rằng :

Nửa đêm giờ tí trống canh ba

Thoắt tiến lên thành phá lũy ra

Một tướng thẳng vào trong cửa hiểm

Hai quân đứng núp chực bên hà

Quân ta đổ lộn cùng quân nó

Nước nó giao hòa với nước ta⁽¹⁾

⁽¹⁾ Trong “Nam Thiên lịch đại tư lược sử” ghi là : Nước nó ra đầu với nước ta.

Đánh đoạn rút về lau khí giới

Tìm nơi vũ khố để can qua.

Nghe nói mới đọc qua lần đầu, chúa đặc ý. Nhưng xem lại, ngẫm nghĩ, nhà chúa bỗng nhăn mặt nói với thị thần : “Trạng lại dùng “cái ấy” để lừa ta rồi, thế mà tội bay không đánh hơi thấy à ?”.

39. LỄ TẾ SAO

Chúa Trịnh lâm bệnh ngày một nặng. Lúc đầu cốm nắng, cốm gió, dần dần nửa tỉnh, nửa mê, tâm thần hoảng loạn. Chứng bệnh nhà chúa thật tai ác. Mỗi ngày lên cơn dăm bảy bận. Mỗi bận lại bắt bọn quan lại đem một người đàn bà đẹp vào cung cấm, lột trần truồng trước mặt chúa, để chúa cáo cấu, cắn xé... Có như thế căn bệnh mới chóng lui. Nhiều thiếu nữ đã chết oan uổng, hoặc chịu mang thương tích suốt đời. Quỳnh biết chuyện này, hết sức phẫn nộ. Ông tự nhủ không thể để tình cảnh ấy kéo dài, bèn lập mẹo trị bệnh chúa...

Có tin bắt đến tai bà chính cung : Chỉ có Trạng Quỳnh mới chữa khỏi căn bệnh hiểm nghèo kia của chúa.

Bà chính cung tức tốc cho vời Trạng đến :

- Tính mệnh của nhà chúa đang như ngàn cân treo sợi tóc. Ta đã dùng đủ tay ngự y danh tiếng, đã lễ cầu

các vị tiên liệt ở nhà thái miếu và các đấng Thần, Phật tối linh khắp miếu xa, đến gần mà bệnh tình vẫn không thuyên giảm. Bây giờ chỉ còn trông cậy vào Trạng.

Quỳnh vào thăm bệnh Chúa, lúc trở ra, làm bộ lo lắng tâu với chính cung :

- Tâu lệnh bà, đúng như lời người dạy, sự sống của đức ngài chỉ còn le lói trong muôn một. Tiếc là lệnh bà cho gọi thần hơi muộn. Nhưng còn nước còn tát, thần xin dốc sức vì chúa một phen. Thần chẳng cần tiền bạc, danh vọng gì, chỉ thỉnh cầu lệnh bà chuẩn y cho mấy điều.

Quỳnh ra hiệu để chính cung đuổi hết quan thị và bọn hầu cận đi ra khỏi, mới nói tiếp :

- Biết sắp vào chầu Đức bà và thăm bệnh nhà chúa, đêm qua thần đã tắm gội sạch sẽ, vào cầu mộng ở đền Trấn Vũ.

Chính cung vội hỏi :

- Đức thánh ngài dạy sao ?

- Thần cầu mộng lúc giờ tỵ⁽¹⁾ đến giờ sửu⁽²⁾ ứng mộng ngay. Đức thánh truyền cho thần biết, muốn cứu nhà chúa, trước hết phải làm hai việc.

Đức bà phải tha hết những con gái nhà lành và tất cả những người đàn bà khác đang bị giam giữ ở các

⁽¹⁾ Tỵ : từ 11 tới 12 giờ đêm.

⁽²⁾ Sửu : từ 1 tới 2 giờ đêm.

nơi trong phủ chúa để đợi đưa vào cung tiến. Đức bà phải lập một đàn sao giữa trời đất để thần làm lễ tế sao. Trong bảy ngày đêm liền, thánh truyền phải dùng dây lụa buộc chặt nhà chúa vào sập rồng. Ngoài chính cung lệnh bà và kẻ hạ thần với hai tên hầu cận, tịnh không một ai được đến gần đức ngài.

Bà chính cung ngẫm nghĩ một lát rồi chấp thuận. Ngày hôm sau, mọi việc bắt đầu. Quỳnh đứng ra làm lễ tế sao. Đêm đến, trên giàn cao, bà chính cung và các hàng quan văn quan võ đại thần mặc lễ phục, hai tay dâng hương, quỳ mọp gối chung quanh chủ tế. Quỳnh tay cầm nghi trượng, tay “bắt quyết”, mồm luôn đọc bài văn tế sao :

- Ô hô Ngàn sao, Sao loan, sac Mệ ! sao Dập, sao Dung ! sao Ú, sao Ngang ! sao Bao, sao Thạm ! sao Hạng, sao Tai ! Mau cút lên trời ! Chúa tôi khỏi bệnh ! Ô hô cút mau !...

Sau mỗi lần đọc, Quỳnh lại bắt mọi người đồng loạt nhắc lại.

Thật kỳ lạ, chỉ tế sao trong vài đêm, bệnh chúa lui trông thấy. Đến ngày thứ năm, chúa van vỉ kêu rên như một phạm nhân xin giảm tội : “Ta hết lên cơn rồi. Các người mau cởi trói cho ta !” Quỳnh nghiêm giọng, đe nạt :

- Tùy chúa đấy thôi ! Nếu chúa nóng lòng, không chịu phép đủ kỳ hạn, sau này thánh quả phạt, đừng trách cứ vào Trạng.

Nhà chúa đành phải nghe theo.

Sau bảy ngày đêm, chúa gần khỏi, người tỉnh táo, ăn ngon miệng. Chính cung cả mừng, mở tiệc lớn khoản đãi Trạng. Trong thành, ngoài cõi đồn dậy lên : “Trạng Quỳnh có thuật tế sao vô cùng mầu nhiệm”.

Các quan chiêm tinh đọc bao nhiêu sách chưa hề thấy có tên những vì sao lạ như vậy, lục tục rủ nhau đến khẩn khoản cầu xin Trạng truyền cho bí quyết, Trạng nói :

- Tôi không phải thầy cúng, cũng không phải thầy lang. Chẳng qua nhà chúa từ lâu đã mắc chứng ham mê tửu sắc, ăn, uống, thức, ngủ vô điều độ. Các ngự y đến xem mạch lại đua nhau bốc thuốc bổ thận, bổ dương, càng đẩy con bệnh đến chỗ cường dục, loạn tâm, loạn trí. Tôi bày mẹo cầu mộng là cốt mượn uy của thần thánh, bắt nhà chúa nằm bất động, kiêng khem mọi thứ, cho thể trạng trong người bình thường lại. Còn bài văn tế kia cũng chẳng có gì đáng bí truyền cả. Cứ đọc ngược, khắc rõ nghĩa. Tôi xin tế lại để các ngài nghe.

- Ô hô Ngàn sao ! Sao Loan, sao Mệ là sao Mê, sao Loạn, sao Dập sao Dung là sao Dục, sao Dâm, sao Ú, sao Ngang là sao Ác sao Ngu...

Các quan chiêm tinh nghe Trạng kể như vậy đều cười bò, cười lăn.

- Các ngài thức hiểu một khi các thứ sao xấu, sao độc kia không còn ám ảnh nhà chúa nữa, đã “cút lên trời” thì nhà chúa hết bệnh chứ còn gì nữa.

Họ phục Trạng vừa giàu trí thông minh, vừa giàu lòng nhân ái, xứng danh là “ngôi sao sáng xứ Thanh”.

40. TRẠNG CHỌI TRÂU

Sứ phương Bắc sang nước ta huênh hoang, tự phụ, cái gì của thiên triều cũng hơn cả, rồi đòi đem trâu của phương Bắc ra thách chọi với trâu nước Nam. Vua sai Trạng Quỳnh đi kiểm trâu chọi. Đúng ngày hẹn, sứ Bắc quốc dắt tới một con trâu đực vóc to, hung dữ, đôi sừng nghênh ngang, khụng khiêng bước ra bãi đấu, guồm guồm chờ đối thủ.

Lát sau, Trạng Quỳnh cho người ung dung dắt ra bãi đấu một con nghé non đã bị nhốt đói nửa ngày. Sứ phương Bắc trông thấy cả cười nói :

- Trâu chọi của nước Nam chỉ thế này thôi ư ?

Hai bên thả trâu, nghé vào đấu. Nghé non đang đói, gặp trâu đực ngỡ là mẹ cứ rúc đầu vào bụng tìm vú để bú. Trâu đực nhột cứ tránh né hoài. Nghé đói lại càng rúc tợn, cuối cùng trâu đực không chịu được, phải cong đuôi bỏ chạy thục mạng.

Quỳnh vỗ tay reo :

- Thắng rồi ! Ta thắng rồi, bà con ơi ! Người đi xem vỗ tay như sấm, trong khi sứ Bắc quốc tức lộn ruột vì đã thua mưu của Trạng... Thế là :

Nghé non chọi với trâu kênh

Trâu thua nghé thắng, Trạng Quỳnh vĩnh râu.

41. ĐÁNH VỠ CHAI NƯỚC SỨ TÀU

Vua Tàu lăm le dòm ngó nước ta, nên cử một đoàn sứ bộ sang để dò la tình hình và bày trò đấu trí để kiểm cỡ xâm lược.

Tại sân triều, đoàn sứ bộ dâng lên nhà vua một chai bịt kín miệng và bảo : trong chai có một lá thư của nhà vua Bắc quốc, nhờ triều đình lấy hộ.

Thực là nan giải, vì chai thì bịt kín miệng, trong chai có nước. Cả nhà vua lẫn triều thần đều lúng túng, chưa biết xử trí ra sao, thì từ hàng triều thần, Quỳnh xăm xăm bước lên, trong tay cầm một cái gậy. Ông quật mạnh vào thân chai, chai vỡ tan, nước đổ tung tóe, rồi quay ra nói với sứ Tàu :

- Yêu cầu của quý quốc chỉ nhờ lấy thư trong chai nước, mà không hề nói tới chai, các ngài cũng không đòi chai. Thiết tưởng muốn lấy nước thì phải đánh mà lấy, mà đánh thì như các ngài thấy, vỡ chai. Thiệt hại thuộc về quý quốc.

Sứ Tàu tái mặt vì bị chạm trúng tim đen. Sau đó, sứ bộ về nước, cũng không thấy vua Bắc quốc hạch sách gì nữa. Thì ra, Quỳnh đã rất hiểu ý đồ của vua Bắc quốc, ông đã giải đúng mọo đó của sứ bộ bằng một đòn cảnh cáo nghiêm khắc.

42. ĐĂNG GỐC, ĐĂNG NGỌN

Quỳnh đi sứ, quan Tàu và binh lính tùy tùng đến trạm tiếp sứ, đón Quỳnh. Để thử tài sứ An Nam, quan Tàu sai lính mang đến một cây gỗ bằng đầu bằng đuôi, rồi nói với Quỳnh :

- Nghe tin sứ An Nam học rộng, tài cao, đoán trước được mệnh trời, vậy sứ cho biết, cây gỗ này đăng nào là gốc, đăng nào là ngọn ?

Quỳnh thần nhiên bảo :

- Khó gì chuyện ấy, sang mai xin trả lời.

Đêm đến, Quỳnh cho người tâm phúc đi lấy phân trâu bôi bẩn cây gỗ.

Sáng ra, Quỳnh đến trông thấy cây gỗ dính đầy phân, bèn bảo :

- Đem một cây gỗ để thử tài sứ An Nam mà các người lại để cây gỗ bẩn thế này ư ?

Tên quan Tàu vội vàng sai lính khiêng cây gỗ đem xuống hồ nước gần đấy để chùi rửa cho sạch.

- Cây gỗ khi bỏ xuống nước, đầu gốc nặng hơn thì chìm xuống, còn đầu ngọn thì vồng lên. Quỳnh đã cho người bám theo quan sát để mật báo cho mình. Thế là

khi lính khiêng cây gỗ đặt lên giữa sân, Quỳnh bước đến, giả bộ ngắm nghía, suy đoán rồi lấy tay chỉ :

- Tôi cam đoan đây là đầu gốc và kia là đầu ngọn.

Nghe Quỳnh nói, tên quan Tàu và bọn lính tùy tùng đều hết sức khâm phục sứ An Nam.

43. THƠ TRỐNG VẦN THIÊN

Quỳnh đi sứ, vua Tàu nghĩ một kế thật hiểm để thử tài, định cho sứ ngày mai vào chầu.

Hôm sau, vua Tàu chọn những quan hàn lâm hay chữ vào thi với Quỳnh, Quỳnh vào thì thấy nghiên ngọc, giấy hoa, mực ngự bày ra trên án. Quỳnh phân vân chưa biết ý ra làm sao, thì thấy quan thị cầm dùi ra, đánh một tiếng trống rồi chỉ lên trời, xong bỏ đi. Quỳnh không hiểu, trông tả, trông hữu thấy các quan Tàu đều mài mực, cầm bút bắt đầu viết. Quỳnh nghĩ bụng : “Thôi ! Hẳn họ bắt ta vào văn thi, và lập cách hiểm giấu đầu để thử ta rồi !”. Lập tức, Quỳnh nghĩ được một mẹo, Quỳnh vội ngoáy đầy một tờ giấy hoa tiên toàn chữ lằng nhằng trông như dạng chữ thảo, rồi đem nộp trước. Khi đi qua chỗ quan Tàu ngồi, Quỳnh liếc mắt nhìn mới hiểu đề ra là *Thơ trống vần thiên*, bèn nghĩ sẵn một bài trong đầu. Vua Tàu xem bài thi của Quỳnh, không đọc được chữ nào, đưa cho các quan xem, ai cũng đều chịu cái lối “thảo An Nam”. Cuối cùng đành phải gọi Quỳnh lên hỏi.

Quỳnh tâu :

- Ấy là lối thảo An Nam. Xin cho phép thần chép lại rõ ràng cho dễ đọc.

Bấy giờ Quỳnh viết ngay bài thơ đã sẵn. Thơ Quỳnh hay hơn cả, vua và triều thần đều phục, mới hỏi :

- Ở An Nam được mấy người như người ?

Quỳnh tâu :

- Ở nước tôi, văn như Đồng, Giả⁽¹⁾, võ như Tôn, Ngô⁽²⁾ nhiều lắm, còn hạng tôi lấy xe mà chở, lấy đấu mà đong không hết. Đàn bà, trẻ con cũng đều thông thạo chữ nghĩa.

Vua tôi nhà Thanh lắc đầu, lè lưỡi.

44. THI VẼ RỒNG

Vua Tàu bảo triều thần :

- Sứ An Nam giỏi thơ, nhưng chắc không giỏi họa. Ta mở cuộc thi vẽ cho sứ An Nam biết thượng quốc cũng lắm người tài.

⁽¹⁾ Đồng Trọng thư, Giả Nghị đều là những nhà văn đời Hán (Trung Quốc).

⁽²⁾ Tôn tử, Ngô Khởi đều là những nhà quân sự nổi tiếng thời Chiến Quốc (Trung quốc).

Đám triều thần đều xin cho mở cuộc thi ngay. Chúng chọn mấy người vẽ giỏi nhất nước, đưa về kinh đô chờ sẵn. Vua Tào gọi Quỳnh đến phán :

- Ta xem trong bài thơ của sứ An Nam có cả họa, nhưng ta muốn biết tài thực của sứ An Nam, nên hôm nay mời nhà người cùng thi vẽ để ta xem.

Quỳnh không biết vẽ thật, nhưng không thể từ chối, đành cứ nhận lời thi, rồi sẽ tùy cơ ứng biến.

Vua Tào ra đề thi vẽ rồng, và hạn cho hễ đánh xong một hồi trống thì phải vẽ xong.

Khi viên quan đánh trống vừa cầm dùi giờ lên, thì Quỳnh liền nhúng cả mười đầu ngón tay vào nghiên mực. Và khi tiếng trống chưa dứt thì Quỳnh đã vẽ xong mười vệt mực ngoằn ngoèo trên giấy. Quỳnh đem tranh vẽ nộp trước, trong khi các họa sĩ khác còn đang húy hoáy điểm thêm râu, thêm vẩy. Vua Tào xem tranh của sứ An Nam, liền phì cười :

- Đây là con gì chứ đâu phải con rồng ?

Quỳnh nghiêm trang tâu :

- Đây là giống rồng đất ở nước hạ thần ạ.

Vua Tào lắc đầu chỉ vào bức tranh của một người đã vẽ xong.

- Phải như thế kia mới gọi là rồng chứ.

Quỳnh cãi rằng phải như mình vẽ mới đúng là rồng và xin đem rồng thực ra so, nếu rồng của vua Tào đúng rồng người Tào vẽ thì Quỳnh xin chịu tội.

Vua Tàu và triều thần cùng ngăn người ra. Họ đành phải chịu thua sứ An Nam vì không tài nào tìm đâu được rỗng thực.

45. SỨ TÀU MẮC LỖM

Sứ Tàu sang nước ta để làm lễ phong vương. Sứ đến cửa thành, trông lên thấy cửa đề bốn chữ : “Đại Nam quốc môn”, nghĩ bụng : “Ta phụng mạng thiên triều mà chui dưới bốn chữ này, chẳng hóa ra nước Tàu phải kém nước Nam ư !”.

Sứ Tàu nhất định không chịu, đòi phải làm cầu vồng qua trên cửa thành để đi vào. Trong khi chưa có cầu, đoàn sứ bộ sẽ dừng lại ngay trước cửa thành, và tất nhiên quan quân ta phải phục dịch vất vả.

Vua, chúa và các quan đại thần không biết đối phó ra sao, bèn triệu Quỳnh vào. Quỳnh tâu :

- Xin nhà vua chớ lo. Hạ thần đã có cách bắt sứ Bắc quốc phải chui qua cửa thành.

Sau đó, Quỳnh ăn mặc giả làm một người lính hầu, cầm quạt lông đi theo hầu ông quan, đem đồ ăn thức uống cho sứ Tàu. Đến nơi, Quỳnh quạt phẩy vài cái, rồi thình lình giơ cán quạt gõ vào đầu sứ Tàu.

- "Tiểu nà ma cái nì"⁽¹⁾! Nói xong Quỳnh ù té chạy vào phía cổng thành.

Sứ Tàu tức quá, liền lên ngựa phóng theo đuổi bắt. Phò sứ và quan hầu cũng chạy theo. Quan quân ta cũng thúc voi cùng đuổi để bắt kẻ "phạm thượng". Sứ Tàu mãi mê đuổi bắt, ruổi ngựa rúc qua cổng thành lúc nào không hay. Khi thấy sứ Tàu chui qua cổng thành rồi, Quỳnh mới quay đầu lại, vừa cười vừa reo :

- Sứ Bắc quốc đã chui qua cổng nước Nam !

Ngẩng lên, sứ thấy một đám đông dân chúng đang đứng reo hò, còn sứ thì mãi đuổi theo tên tiểu tốt đã chui qua cổng thành nước Nam lúc nào không hay. Biết mắc lõm rồi, sứ đang khó xử thì Trạng Quỳnh đã quay lại nói :

- Sứ đã chui qua cổng rồi, chả lẽ lại chui qua lần nữa để ra hay sao.

Sứ biết mình dại, đành vuốt bụng vào cung yết kiến vua Nam.

46. CÔ HÀNG NƯỚC

Trên đường sang Việt Nam, sứ Tàu nghĩ : "Có đúng ở An Nam có nhiều người văn như Đổng, Giã, võ như Tôn, Ngô không ? Đàn bà trẻ con cũng thông thạo

⁽¹⁾ Tiếng chửi.

chữ nghĩa ? Hay đó chỉ là lời khoa trương, khoác lác của Quỳnh ?”.

Trên đường đi, trong lúc chờ đò để sang sông, sứ Tàu và đoàn tùy tùng ghé vào hàng nghỉ chân “hút thuốc, uống nước”. Theo mẹo Quỳnh, Thị Điểm đóng vai giả dạng làm cô bán hàng, cố ý ngồi hờ hang cho sứ Tàu thấy... Sứ Tàu dù là thừa mệnh thiên triều, dù là bề tôi thiên tử, một khi đã nhác thấy, không thể không nom kỹ, mà đã nom dòm thì với bệnh sính nói chữ, hẳn thế tất phải tuôn ra lời chê bai, châm chọc. Quả đúng như dự đoán của Quỳnh, sứ Tàu nói với đồng bọn :

- *Nam bang nhất thổn thổ bất tri kỷ nhân canh*”
(Nghĩa là ở nước Nam một tác đất không biết bao nhiêu người cày).

Thị Điểm tủm tỉm cười đáp lại một cách bình thản :

- *Bắc triều chưa đại phu giai do thử đồ xuất !*”
(nghĩa là các ông lớn thiên triều đều từ chỗ ấy mà chui ra cả !).

Vừa kinh ngạc trước tài ứng đối thông minh của cô hàng nước, vừa hổ thẹn, lúng túng, thì vừa lúc ấy đò từ bờ bên kia sang đã cập bến, đoàn sứ Tàu vội vã bước ra khỏi quán, xuống đò.

47. ANH LÁI ĐÒ

Một lần, vua Thanh cử đoàn sứ bộ sang ta để thăm viếng, thực chất là để dò xét tình hình, tìm hiểu xem nhân tài của An Nam như thế nào. Quỳnh được cử đóng vai anh lái đò ngang trên đường sứ bộ sẽ đi qua.

Trong lúc sang sông, do mãi ngắm cảnh đẹp, viên chánh sứ vô tình để buột ra một tiếng “bùm”. Ngượng quá, không biết làm thế nào để chữa thẹn, y bèn ứng khẩu đọc : “Lôi động Nam bang” (nghĩa là sấm động nước Nam). Nghe thấy vậy, Quỳnh vội vàng buông mái chèo, rồi trèo lên mũi thuyền, đứng bên cạnh đoàn sứ bộ, quay về hướng Bắc, vạch quần áo tổ tổ xuống sông, miệng vừa đọc : “Vũ qua Bắc hải” (Nghĩa là mưa qua bể Bắc, tức nước Tàu).

Đoàn sứ Thanh thấy anh lái đò nhanh trí và giỏi chữ như vậy, tuy trong bụng rất tức, nhưng cũng phải phục tài người Nam. Từ đó, chúng không dám hống hách, kèn kiệu nữa.

48. TRẠNG CHẾT CHÚA CŨNG BẰNG HÀ

Chúa bị Trạng Quỳnh coi thường nhiều phen nên rất căm giận. Lần này, chúa quyết khử Trạng để tránh những hậu hoạn về sau. Chúa sai nhà bếp bỏ thuốc độc vào thức ăn, rồi cho mời Trạng đến dự yến tiệc.

Trạng Quỳnh vẫn biết chúa rất ghét mình, nay bỗng dưng mời đến yến tiệc, hẳn là có việc chẳng lành. Trạng bèn gọi vợ con đến, dặn dò cẩn thận rồi ra đi.

Thấy Trạng Quỳnh đến, chúa tiếp đón niềm nở, tự tay rót rượu, ban yến cho Trạng. Biết Trạng không thể từ chối được đành phải ăn. Trạng Quỳnh vừa ăn được vài miếng, chúa bất ngờ hỏi :

- Bao giờ thì Trạng chết ?

Trạng nhếch mép cười và đáp :

- Thưa, khi chúa băng hà.

Chúa không nói gì.

Ăn xong, Trạng cáo từ ra về ngay. Vừa về đến nhà, Trạng thấy người nôn nao, khó chịu, vội lên văng nằm, và sau đó tắt thở. Người nhà làm theo đúng lời Trạng dặn.

Chờ mãi đến chiều chẳng thấy nhà Trạng có động tĩnh gì, chúa sai người đến dò xem. Người nhà chúa đến nơi, thấy Trạng Quỳnh đang nằm văng đọc sách, bên cạnh có vợ ngồi đưa văng và con ngồi quạt, còn người nhà thì đi lại như thường, vội về tâu lại với chúa. Chúa cho rằng thuốc độc không có công hiệu, đòi ngay nhà bếp lên căn vặn rồi tự mình nếm thử thức ăn đã đem mời Trạng. Lát sau chúa bị ngấm thuốc, lăn đùng ra chết.

Thấy bên phủ chúa đã phát tang, y lời Trạng dặn, lúc bấy giờ vợ con Trạng mới phát tang, báo tin Trạng

Quỳnh đã mất. Thế là hai đám tang chúa và Trạng Quỳnh cùng đưa một ngày. Dân kinh kỳ bảo nhau, đúng là :

“Trạng chết chúa cũng bằng hà

Dưa gang đồ dít thì cà đồ tròn”.